



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 02

Ngày 08/3/2023

Tổng hợp hàng tuần

Phân tích

Dự báo



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Trung Quốc trở thành thị trường nhập khẩu lớn nhất của nông sản Việt Nam	4
Triển vọng thị trường nông sản khu vực Châu Âu và Trung Á	4
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Tháng 01/2023, xuất khẩu thủy sản giảm sâu nhưng nhiều thị trường nhỏ vẫn tăng trưởng dương	9
VASEP: Xuất khẩu cá tra tăng trưởng tốt ở những nước lạm phát cao	10
Xuất khẩu tôm sang Nhật Bản dự báo vẫn ổn định trong năm 2023	11
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Nguyên nhân khiến giá thịt heo thấp	12
Ngành chăn nuôi dự báo chưa hết khó khăn ít nhất đến quý 2/2023	13
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Tổng quan thị trường lúa gạo	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo	18
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Việt Nam đẩy mạnh xúc tiến thương mại nông sản và thực phẩm với Ấn Độ	21
Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường: Chia khóa để xuất khẩu nông sản Việt Nam vươn xa	22
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Nông dân được khuyến nghị không ồ ạt trồng sầu riêng	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Ăn nhiều thịt xông khói làm tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tỉnh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

KINH TẾ THẾ GIỚI

* Tôm sú vẫn có triển vọng phát triển tại thị trường Mỹ

Trong một hội thảo tại Hội nghị Thị trường Thủy sản Toàn cầu của Viện Thủy sản Quốc gia Hoa Kỳ (GSMC), các thành viên tham gia đã thảo luận về triển vọng thị trường đối với tôm sú (Penaeus monodon) và tôm đỏ Argentina (Pleoticus muelleri). Cả hai loài tôm đang chiếm vị thế tương đối tại thị trường ngách ở Mỹ nhưng có tiềm năng được bán rộng rãi hơn nếu có thêm các nỗ lực tiếp thị và phát triển thị trường.

Đối với tôm sú, Hội thảo đã xem xét lại chặng đường phát triển về tốc độ sản xuất tôm sú trên toàn cầu kể từ năm 2002 đến nay. Trước 2002, tôm sú là loài được sản xuất nhiều nhất trên toàn cầu. Robins McIntosh, Phó Chủ tịch của Charoen Pokphand Foods của Thái Lan, cho biết sự gia tăng của tôm chân trắng đơn giản là sự thành công của nông dân với chọn lọc di truyền.

Những chủng mới được đưa ra đầu tiên ở Thái Lan, sau đó là Trung Quốc, Việt Nam, An Độ, Philippines và Malaysia, sau đó số lượng tôm chân trắng gia tăng nhanh chóng.

Khi sản lượng tăng vọt, giá tôm chân trắng giảm và các thị trường từng bán tôm sú nhanh chóng chuyển sang tôm chân trắng. Khi đó, tôm sú nuôi bẩn chất vẫn là loài nuôi tự nhiên, dễ bị dịch bệnh nên việc nuôi loài này gặp nhiều khó khăn. Những thách thức này về cơ bản đã được giải quyết nhờ các dòng tôm sú mới đã thành công ở Trung Quốc, Indonesia và Thái Lan. Nhưng vi các ao nuôi tôm chân trắng có năng suất cao hơn nhiều nên hầu hết người nuôi đã tập trung vào loài này.

Tuy nhiên, khi người tiêu dùng Mỹ và châu Âu đã quen với tôm chân trắng, thị trường cho tôm sú bắt đầu biến mất. Hiện tại, chỉ có Việt Nam và Bangladesh là các nhà xuất khẩu tôm sú chính, các nước khác chủ yếu chỉ sản xuất cho tiêu dùng nội địa.

Tại Mỹ, mức giá cao hơn đáng kể so với tôm chân trắng (hiện tại khoảng 2,5 USD/pound) là trở ngại chính cho việc tăng doanh số bán tôm sú.

Mức chênh lệch đó cần phải giảm xuống còn 1 USD. Theo Urner Barry, trong 6 tháng qua, giá tôm sú không ngừng giảm. Xu hướng này tiếp tục sẽ giúp tôm sú quay trở lại thị trường.

Tôm chân trắng tiếp tục phổ biến mặc dù chi phí sản xuất và giá xuất trại đối với tôm sú và tôm thẻ chân trắng tương đương nhau. Việc tiếp thị tôm sú như một loại "tôm thương phẩm" chứ không phải tôm cỡ nhỏ và nhân mạnh tính độc đáo của nó là rất quan trọng.

Tuy nhiên, việc quay trở lại thị trường nên bắt đầu từ các nhà hàng sang trọng, thành viên tham gia hội thảo cho biết. Các đầu bếp sẽ giúp tôm sú tiến đến với người tiêu dùng, và sau đó mới đến các cửa hàng bán lẻ khi nhu cầu tự chế biến của người tiêu dùng tăng.

* Công nhận lẫn nhau về Chương trình doanh nghiệp ưu tiên giữa các nước Đông Nam Á

Tổng cục Hải quan vừa tham gia ký Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về Chương trình doanh nghiệp ưu tiên theo hình thức trực tuyến với các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Hải quan các nước tham gia ký trực tuyến gồm có 10 nước: Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam.

Các nội dung trọng tâm trong Thỏa thuận được ký kết bao gồm: Công nhận lẫn nhau và các biện pháp tạo thuận lợi thương mại. Theo đó, mỗi bên tham gia sẽ chấp nhận việc thẩm định và công nhận của Chương trình của bên tham gia khác cấp cho thành viên.

Sau khi các bên đã thiết lập tình tương thích Chương trình của mình, mỗi bên tham gia sẽ đổi xử với các thành viên của Chương trình của các bên tham gia khác theo cách có thể so sánh với Chương trình của chính mình và cung cấp cho các thành viên trong phạm vi có thể.

Các biện pháp tạo thuận lợi thương mại gồm có:

Một là, thông quan nhanh chóng bằng cách giảm việc kiểm tra hồ sơ hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa, đối với hàng hóa xuất phát từ hoặc vận chuyển cho một thành viên của Chương trình của các bên tham gia khác, tùy thuộc vào việc đánh giá mức độ rủi ro an ninh.

Hai là, ưu tiên kiểm tra cho hàng hóa xuất phát từ hoặc vận chuyển cho một thành viên của Chương trình của các bên tham gia khác đã được lựa chọn để kiểm tra thực tế.

Ba là, trường hợp có sự gián đoạn đối với thương mại quốc tế, cố gắng ưu tiên thông quan nhanh cho hàng hóa có nguồn gốc từ hoặc được chuyển đến một thành viên của Chương trình của các bên tham gia khác...

Các bên tham gia sẽ thiết lập cơ chế trao đổi thông tin để thực hiện có hiệu quả bằng cách thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, các bên thường xuyên trao đổi cập nhật thông tin về thành viên thuộc chương trình tương ứng của mình bao gồm tên, địa chỉ, định danh duy nhất/số tham chiếu AEO, tình trạng công nhận và bất kỳ thông tin liên quan khác thông qua một kênh liên lạc đã đồng ý theo một cách đảm bảo an ninh. Khi có thông tin, các bên tham gia sẽ trao đổi thông tin đã được thông nhất một cách kịp thời ở mức có thể.

Thứ hai, các bên tham gia sẽ cung cấp thông tin cập nhật về những thay đổi đối với các Chương trình tương ứng của mình, bao gồm cả thủ tục hành chính và thực hiện hoặc các thay đổi về tên của các Chương trình của mình; trao đổi thông tin có lợi được các bên đồng ý. Thông tin được cung cấp gồm: số liệu thống kê liên quan đến việc thực hiện các chương trình bởi các thành viên của các bên tham gia, tác động của tạo thuận lợi thương mại hoặc các lợi ích quan sát được, hoặc thông tin khác liên quan đến an ninh chuỗi cung ứng...

Trong tương lai, các bên tham gia sẽ tích cực triển khai thực hiện thỏa thuận này nhằm cùng cố an ninh chuỗi cung ứng và tăng cường lợi ích chung trong tạo thuận lợi thương mại của các bên tham gia.

Mỗi bên tham gia cung cấp cho các thành viên của Chương trình của các bên tham gia khác những lợi ích hơn nữa phù hợp với thỏa thuận này; tham gia vào các cuộc đối thoại để thảo luận về các cơ hội để cho phép nối lại thương mại sau sự gián đoạn trong các tình huống khẩn cấp.

Hi vọng rằng, sau khi tham gia Thỏa thuận công nhận lẫn nhau về Chương trình doanh nghiệp ưu tiên với các nước ASEAN, các doanh nghiệp ưu tiên của Việt Nam ngày càng tăng thêm khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế khi được tiếp cận gần hơn, nhanh hơn với nhiều khách hàng mới và tiềm năng tại các nước cùng tham gia.

KINH TẾ TRONG NƯỚC

* Bộ Công Thương làm việc với tỉnh Hải Nam, Trung Quốc

Ngày 22/2, tại trụ sở Bộ Công Thương, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đã làm việc với đồng chí Thẩm Hiếu Minh, Bí thư Tỉnh ủy Hải Nam, Trung Quốc.

Thành lập văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại Hải Nam

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên và Bí thư Thẩm Hiếu Minh tại buổi làm việc đã đạt được những đồng thuận quan trọng về việc thiết lập các khuôn khổ hợp tác, thành lập Văn phòng Xúc tiến thương mại Việt Nam tại Hải Nam, hợp tác xúc tiến thương mại và thúc đẩy mở cửa thị trường Trung Quốc cho nông sản Việt Nam.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đánh giá cao chuyến thăm lần này của đồng chí Bí thư, nhấn mạnh đây là chuyến thăm đầu tiên của lãnh đạo địa phương Trung Quốc tới Việt Nam sau Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XX và sau thời gian dài các hoạt động trao đổi đoàn bị gián đoạn do dịch COVID-19, cũng là lần đầu tiên, lãnh đạo cấp cao nhất của tỉnh Hải Nam đến làm việc tại Bộ Công Thương.

Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên tin tưởng rằng chuyến thăm sẽ là khởi nguồn cho mối quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Bộ Công Thương và tỉnh Hải Nam từ đó thúc đẩy hợp tác kinh tế đầu tư và mở rộng thương mại giữa Việt Nam – Hải Nam.

Bộ trưởng cho rằng, với tư cách là "cảng thương mại tự do lớn nhất thế giới", Hải Nam trong tương lai chắc chắn sẽ đóng vai trò ngày càng quan trọng trong thương mại song phương Việt – Trung, góp phần nâng cao kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam và giảm bớt tình trạng mất cân đối trong cán cân thương mại hai nước.

Đẩy nhanh việc mở cửa với trái dừa tươi Việt Nam

Trên tinh thần đó, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên trao đổi với đồng chí Thẩm Hiếu Minh nhiều kiến nghị nhằm thúc đẩy hợp tác kinh tế thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp hai bên như: Thành lập Văn phòng xúc tiến thương mại Việt Nam tại TP. Hải Khẩu, tỉnh Hải Nam, Trung Quốc; đẩy nhanh tiến trình mở cửa thị trường Trung Quốc cho các nông sản của Việt Nam (đặc biệt là trái dừa tươi mà tỉnh Hải Nam đang rất có nhu cầu).

Hợp tác trong lĩnh vực chế biến nông sản; chia sẻ thông tin về các chính sách ưu đãi đầu tư và thương mại của Hải Nam; hợp tác xúc tiến thương mại; nghiên cứu nâng cấp Thỏa thuận về tăng cường hợp tác kinh tế thương mại giữa Bộ Công Thương và chính quyền tỉnh Hải Nam được ký năm 2008 để phù hợp với bối cảnh hiện nay.

Cụ thể, Bộ trưởng đề nghị phía Hải Nam cung cấp các hỗ trợ, ưu đãi dành cho doanh nghiệp Việt để tận dụng những ưu đãi dành cho thương mại điện tử, cũng như cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế lớn tại Hải Nam như hội chợ quốc tế hàng tiêu dùng.

Về thương mại nông sản, Bộ trưởng Nguyễn Hồng Diên đánh giá, Trung Quốc có nhu cầu cao đối với mặt hàng dừa tươi, trong đó Hải Nam là một trong những địa phương nhập khẩu dừa tươi lớn nhất của Trung Quốc. Việc mở cửa thị trường Trung Quốc đối với trái dừa của Việt Nam sẽ giúp Hải Nam đa dạng hóa nguồn cung cấp.

Phát biểu tại buổi làm việc, đồng chí Bí thư Thẩm Hiếu Minh đánh giá cao những đề xuất của Bộ Công Thương, đồng thời đưa ra những đề xuất, biện pháp cụ thể nhằm tăng cường quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai bên thời gian tới.

Đồng chí Bí thư tỉnh Hải Nam bày tỏ hoàn toàn ủng hộ và khẳng định sẽ chỉ đạo các cơ quan và địa phương liên quan tỉnh Hải Nam tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan để hiện thực hóa việc thành lập Văn phòng Xúc tiến thương mại trong thời gian tới. Đồng chí Bí thư nhấn mạnh Văn phòng Xúc tiến thương mại sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp hai nước kết nối đầu tư, giao thương và hỗ trợ các doanh nghiệp hai nước tham gia có hiệu quả vào các hội chợ triển lãm của nhau.

Về hợp tác trong mở rộng nhập khẩu nông sản chất lượng cao của Việt Nam, thúc đẩy mở cửa thị trường cho các sản phẩm nông sản và trái cây của Việt Nam cũng như hợp tác trong lĩnh vực nông sản, ông Thẩm Hiếu Minh cho biết: Hải Nam là nơi nhập khẩu dừa lớn nhất, cũng là địa phương tập trung đến 70% các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chế biến dừa của Trung Quốc. Đồng chí Bí thư sẽ giao các cơ quan phụ trách của tỉnh Hải Nam và bày tỏ sẵn sàng làm việc với Tổng cục Hải quan Trung Quốc để thúc đẩy việc mở cửa thị trường cho dừa tươi của Việt Nam.

Nhấn mạnh với lợi thế của hai bên, đồng chí Thẩm Hiếu Minh có niềm tin rất lớn về việc mở rộng nhập khẩu trái cây nhiệt đới và thủy sản từ Việt Nam.

Về việc nâng cấp Bản ghi nhớ về tăng cường hợp tác giữa Bộ Công Thương và chính quyền tỉnh Hải Nam Trung Quốc, đồng chí Bí thư hoan nghênh trí đàm phán để ký kết Bản ghi nhớ, góp phần tạo thuận lợi cho hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Hải Nam.

Buổi làm việc đã diễn ra trong bầu không khí hữu nghị, chân thành, cởi mở và đầy thiện chí. Hai bên đã trao đổi và đạt được nhất trí trong nhiều nội dung hợp tác cụ thể và biện pháp thiết thực nhằm triển khai nhận thức chung của lãnh đạo cấp cao hai nước và đặt nền tảng cho hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Hải Nam, góp phần vào sự phát triển hợp tác kinh tế thương mại Việt – Trung.

Theo số liệu thống kê của tỉnh Hải Nam, Trung Quốc, kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Hải Nam năm 2022 đạt 1,35 tỷ USD, tăng 56% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, kim ngạch Hải Nam xuất khẩu sang Việt Nam đạt 695,2 triệu USD, tăng 171,9%; kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam đạt 658 triệu USD, tăng 7,5%.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHÓ BIÉN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

* Đề nghị kiểm soát đường mòn, lối mở ngăn cùm A/H5N1 xâm nhập

Ngày 26/2, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) đã có công điện khẩn về việc ngăn chặn tình trạng nhập lậu, vận chuyển trái phép gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu từ nước ngoài vào Việt Nam.

Theo thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong thời gian gần đây tại Campuchia đã phát hiện ca tử vong trên người do virus cúm gia cầm A/H5N1 tại tỉnh Prey Veng.

Nhằm ngăn chặn nguy cơ xâm nhiễm dịch bệnh do vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu từ nước ngoài vào Việt Nam, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến phát triển chăn nuôi, an toàn thực phẩm và sức khỏe cộng đồng, Bộ NN&PTNT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các sở, ban ngành và chính quyền các cấp của địa phương tổ chức triển khai đồng bộ các giải pháp theo quy định của Luật Thú y, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt "Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh cúm gia cầm giai đoạn 2019 – 2025".

Các tỉnh, thành phố cũng khẩn trương tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát, đặc biệt tại các cửa khẩu, đường mòn, lối mở khu vực biên giới, cảng biển, đường sông... để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp buôn bán, giết mổ, vận chuyển gia cầm, sản phẩm gia cầm trái phép vào Việt Nam, đặc biệt các tỉnh biên giới phía Nam.

Trường hợp bắt các lô hàng động vật, sản phẩm động vật vận chuyển bất hợp pháp thì phải tiêu hủy ngay (trước khi tiêu hủy, cần lấy mẫu gửi các cơ quan thú y để xét nghiệm bệnh).

UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo lực lượng công an, bộ đội biên phòng lập chuyên án đấu tranh với các đối tượng vận chuyển, buôn bán gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập lậu qua biên giới; phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện bắt giữ và xử lý nghiêm các vụ nhập khẩu trái phép gia cầm và sản phẩm gia cầm.

Đồng thời, tổ chức tuyên truyền cho nhân dân khu vực biên giới về sự nguy hiểm của bệnh cúm gia cầm và tác hại khi buôn bán, vận chuyển gia cầm không được kiểm dịch, không rõ nguồn gốc.

Quản lý thị trường tại địa phương tăng cường các biện pháp kiểm soát lưu thông, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật trái phép vào Việt Nam, gia cầm, sản phẩm gia cầm không rõ nguồn gốc trên thị trường.

Các địa phương báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình dịch bệnh qua Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật trực tuyến (VAHIS); tổ chức kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp không báo cáo, giấu dịch, làm lây lan dịch bệnh.

Bộ NN&PTNT giao Cục Thú y và đơn vị liên quan tổ chức các đoàn công tác đến các địa phương để kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc công tác phòng, chống dịch bệnh; chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế, các nước để chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và giải pháp phòng, chống dịch bệnh.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN NÔNG SẢN

* Trung Quốc trở thành thị trường nhập khẩu lớn nhất của nông sản Việt Nam

Bộ NN&PTNT vừa cho biết, trong tháng 2, xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam đạt trên 3,4 tỷ USD, tăng 5,7% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, nhóm nông sản chính đạt 1,8 tỷ USD (tăng gần 26%); chăn nuôi đạt 29 triệu USD (tăng 46,5%), đầu vào sản xuất đạt 158 triệu USD (giảm 5,2%);... Tuy nhiên, nhóm lâm sản chính chỉ đạt khoảng 872 triệu USD (giảm 10,7%) và thủy sản đạt 550 triệu USD (giảm 13,1%)...

Tính chung 2 tháng đầu năm, xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản đạt khoảng 6,3 tỷ USD, giảm 22,5% so với cùng kỳ năm trước.

Kéo lùi mức tăng trưởng của ngành phải kể đến một số mặt hàng chủ lực như cà phê (giảm 14,6%), cao su (giảm 23,1%), gạo (giảm 10,8%), hạt điều (giảm 14,3%), cá tra (giảm 64%), tôm (giảm 55%), gỗ và sản phẩm gỗ đạt (giảm 34,8%)...

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản đạt 5,7 tỷ USD, giảm 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 2 tháng, xuất siêu hàng nông, lâm, thủy sản chỉ đạt 559 triệu USD, giảm 68,5%.

Đáng chú ý, Trung Quốc bất ngờ vươn lên trở thành thị trường số 1 nhập khẩu hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam, với kim ngạch đạt 1,27 tỷ USD (chiếm 20,2% thị phần). Đứng thứ 2 là Mỹ với khoảng 1,2 tỷ USD (chiếm 19% thị phần); tiếp đến là Nhật Bản với giá trị xuất khẩu đạt 563 triệu USD (chiếm 9%) và Hàn Quốc với giá trị xuất khẩu đạt 302 triệu USD (chiếm 4,8%).

Bộ NN&PTNT cho biết, trong bối cảnh xuất khẩu khó khăn, để đạt được mục tiêu 55 tỷ USD là nhiệm vụ thách thức. Bộ NN&PTNT sẽ tiếp tục phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Bộ này cũng khuyến nghị các doanh nghiệp tận dụng các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là Hiệp định CPTPP, EVFTA để đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chủ lực. Thời gian tới, Bộ NN&PTNT sẽ tổ chức đoàn công tác làm việc với Hải quan Nam Ninh, Hải quan Vân Nam Trung Quốc để kết nối, xúc tiến thương mại; cập nhật, tháo gỡ các vướng mắc trong xuất khẩu nông lâm thủy sản.

* Triển vọng thị trường nông sản khu vực Châu Âu và Trung Á

Châu Âu và Trung Á là khu vực trải dài trên hai lục địa và bao gồm nhiều quốc gia ở các giai đoạn phát triển khác nhau, thể hiện sự khác biệt đáng kể về nhân khẩu học, tài nguyên nông nghiệp và chính sách công. Các nhà sản xuất nông nghiệp lớn trong khu vực bao gồm Liên minh Châu Âu, Vương quốc Anh, Nga, Ukraine, Thổ Nhĩ Kỳ và Kazakhstan. Khu vực này chiếm 12% dân số thế giới, nhưng sự phát triển của các động lực dân số khác nhau giữa các quốc gia. Nhìn chung, dân số của khu vực dự kiến sẽ duy trì ổn định, chỉ tăng 1% trong thập kỷ tới. Điều này phản ánh sự ổn định ở Tây Âu, sự suy giảm ở Đông Âu và tốc độ tăng trưởng 1%/năm ở Trung Á.

Thông tin chung

Châu Âu và Trung Á được đô thị hóa cao và đến năm 2031, 75% dân số sẽ sống ở đô thị. Thu nhập bình quân trong khu vực trên 26.000 USD/người/năm, nhưng có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia. Mức thu nhập dao động từ hơn 38.000 USD bình quân đầu người một năm ở các nền kinh tế phát triển cao của Tây Âu đến 12.250 USD bình quân đầu người ở các khu vực phía đông phụ thuộc vào tài nguyên và chỉ 5.000 USD bình quân đầu người một năm ở Trung Á.

Ở đỉnh điểm của đại dịch COVID-19, nông nghiệp trong khu vực đã phải đổi mới với nhiều thách thức, bao gồm tắc nghẽn hậu cần, thiếu hụt lực lượng lao động và những thay đổi về số lượng và thành phần nhu cầu.

Sau nỗ lực giải quyết thành công nhiều yếu tố trên, cuộc xung đột Nga - Ukraine tạo thêm một thách thức đầy phức tạp và sự không chắc chắn đáng kể vào năm 2022 và xa hơn. Nga là nước cung cấp đầu vào chính cho sản xuất nông nghiệp cho phần còn lại của châu Âu và Trung Á, và nhiều quốc gia khác ngoài khu vực. Cả Nga và Ukraine cũng là những nước đóng góp đáng kể cho xuất khẩu nông sản và những hạn chế kéo dài đối với sản xuất và xuất khẩu sẽ có tác động đáng kể đến lĩnh vực này. Đồng thời, hai nước cũng là nhà nhập khẩu chính một số mặt hàng nông sản, thực phẩm từ các nước trong khu vực khó tìm được thị trường thay thế trong thời gian ngắn.

Tỷ trọng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản sơ cấp trong tổng GDP dao động từ chỉ 1,6% ở Liên minh châu Âu, đến 12% ở Ukraine. Ước tính, tỷ lệ chi tiêu cho thực phẩm trong chi tiêu hộ gia đình trung bình ở khu vực đạt khoảng 10% trong giai đoạn 2019-2021, từ khoảng 6% đối với Vương quốc Anh đến khoảng 17% ở Ukraine. Một sự chênh lệch lớn cũng xuất hiện về tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) trong khu vực: ở Tây Âu, tăng trưởng TFP chỉ là 6% trong thập kỷ tính đến năm 2019, trong khi đó là gần 50% ở Đông Âu, được đánh dấu bằng sự gia tăng lớn trong năng suất lao động.

Khu vực này sản xuất 16% giá trị sản xuất nông nghiệp và cá toàn cầu, một tỷ lệ có thể giảm xuống 15% vào năm 2031, phần lớn là do tình trạng trì trệ ở Tây Âu. Sản lượng trồng trọt trung bình chiếm khoảng 56% giá trị ròng của tổng sản lượng, cá 8% và chăn nuôi 36%. Trong khi chiếm 11% tổng mức tăng trưởng về giá trị ròng toàn cầu của nông nghiệp và thủy sản trong thập kỷ qua, thì khu vực này chiếm 38% mức tăng trưởng trong xuất khẩu toàn cầu. Định hướng xuất khẩu ngày càng tăng này phần lớn được thúc đẩy bởi Đông Âu, nơi mà mức năng suất trong cả lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi đã được cải thiện, nhưng với dân số khá ổn định và mức tiêu dùng tương đối trưởng thành, nhu cầu tăng trưởng yếu. Ít nhất là trong ngắn hạn, chiến tranh có thể sẽ đảo ngược xu hướng này, vì những ngại ngài đã rõ ràng về khả năng trồng trọt, thu hoạch và chế biến các sản phẩm nông nghiệp ở Ukraine vào năm 2022.

So với các khu vực khác, chăn nuôi và các sản phẩm từ động vật đóng góp đáng kể, cả từ góc độ sản xuất và tiêu dùng. Chúng chiếm hơn một phần ba giá trị ròng của sản xuất nông nghiệp và cá và chiếm lần lượt 26% và 53% tổng lượng calo và protein có sẵn. Liên minh Châu Âu là nhà sản xuất, tiêu dùng và kinh doanh sữa và các sản phẩm từ sữa lớn, và trong khi phần của Liên minh Châu Âu trong sản xuất sữa toàn cầu tiếp tục giảm thì sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có giá trị cao như phô mai và bơ đang tăng lên. Mức tiêu thụ bơ và phô mát bình quân đầu người lần lượt cao gấp sáu lần và ba lần so với mức trung bình của thế giới.

Trong Liên minh Châu Âu, tính bền vững về môi trường ngày càng được ưu tiên, cả từ góc độ người tiêu dùng và chính sách. Ví dụ, Chiến lược từ trang trại đến bàn ăn, là một phần của Thỏa thuận xanh châu Âu, là một chiến lược tăng trưởng toàn diện nhằm thúc đẩy các hệ thống thực phẩm công bằng, lành mạnh, thân thiện với môi trường và bền vững. Trong tương lai, điều này có thể ảnh hưởng đến nhu cầu, dòng chảy thương mại, cũng như tốc độ tăng trưởng năng suất và sản xuất trong khu vực. Tiến bộ công nghệ và việc áp dụng nó, bao gồm cả công nghệ kỹ thuật số, sẽ rất quan trọng để đạt được mục tiêu này.

Sản xuất

Năng suất là chìa khóa tăng trưởng trong trung hạn

Giá trị ròng của sản xuất nông nghiệp và thủy sản (đầu vào thức ăn và hạt giống ròng) được dự đoán sẽ tăng 8% vào năm 2031 so với mức trung bình của giai đoạn 2019-2021, với Tây Âu hầu như không thay đổi, tăng trưởng ở Đông Âu là 13% và Trung Á gần 28%. Tăng trưởng mạnh mẽ của Đông Âu, vốn rất không chắc chắn do không tính đến đầy đủ tác động kéo dài của cuộc chiến hiện tại, sẽ dẫn đầu bởi Ukraine, Thổ Nhĩ Kỳ và Nga với tỷ lệ lần lượt là 5%, 20% và 11%. Ở cả Ukraine và Nga, tăng trưởng được dẫn dắt bởi ngành trồng trọt. Tuy nhiên, ở Thổ Nhĩ Kỳ, cả sản xuất cây trồng và vật nuôi đều tăng trưởng mạnh, nhưng giá trị sản xuất chăn nuôi dự kiến sẽ tăng nhanh hơn so với trồng trọt (lần lượt là 24% và 20%) vào năm 2031.

Việc giảm sử dụng đất nông nghiệp trong dài hạn dự kiến sẽ tiếp tục trong tương lai, mặc dù chậm, cho thấy rằng tăng trưởng hơn nữa trong lĩnh vực này sẽ được cung cấp nhờ tăng năng suất. Trong khi tổng diện tích sử dụng đất đang có xu hướng giảm, dự kiến sẽ có một số phân bổ lại giữa đồng cỏ và đất trồng trọt. Đất được sử dụng làm đồng cỏ dự kiến sẽ giảm 0,8% vào năm 2031, gấp đôi tốc độ giảm dự kiến đối với đất được sử dụng để trồng trọt.

Giá trị sản xuất trồng trọt trong vùng dự kiến sẽ tăng 10% trong vòng 10 năm tới, chiếm hơn 71% tăng trưởng sản xuất nông nghiệp và thủy sản của vùng. Trong khi diện tích đất tăng thêm sẽ được sử dụng cho sản xuất cây trồng, năng suất tăng cũng sẽ góp phần đáng kể vào sự tăng trưởng này. Giá trị sản xuất ròng trên mỗi ha đất trồng trọt dự kiến sẽ tăng trung bình hàng năm là 1,1%, phản ánh sự kết hợp giữa thảm canh đất và tăng năng suất. Diện tích cây trồng được thu hoạch dự kiến sẽ tăng thêm gần 8,8 triệu ha, so với mức giảm 1,5 triệu ha trong sử dụng đất trồng trọt. Thảm canh dẫn đến diện tích thu hoạch bổ sung trên khắp Tây và Đông Âu. Mức tăng năng suất cũng được dự kiến đối với tất cả các loại cây trồng chính, từ 3% đối với lúa mì, đến khoảng 5,9% đối với ngô và hạt có dầu.

Phần lớn tăng trưởng sản xuất cây trồng của khu vực được cung cấp nhờ sản lượng ngũ cốc và hạt có dầu tăng ở khu vực Biển Đen. Với giả định của Triển vọng rằng năng lực sản xuất được phục hồi trong trung hạn, Nga và Ukraine được dự đoán sẽ duy trì tăng trưởng mạnh mẽ đối với ngô, lúa mì, đậu tương và các loại hạt có dầu khác, nâng tỷ trọng kết hợp của họ lên 41% đối với ngô, 39% đối với lúa mì và 54% cho tất cả các loại hạt có dầu. Sản xuất ngô sẽ tăng trưởng mạnh nhất trong số tất cả các loại cây trồng ở cả Nga và Ukraine, với sự mở rộng đáng kể cũng được mong đợi ở lúa mì và các loại hạt có dầu khác. Bất chấp việc mở rộng diện tích ở cả hai quốc gia, việc cải thiện năng suất sẽ thúc đẩy phần lớn tăng trưởng sản xuất vào năm 2031. Tỷ lệ kết hợp của họ là 82% trong sản lượng bổ sung của cả ngô và lúa mì dự kiến cho toàn khu vực vào năm 2031 cho thấy mức độ rủi ro và sự không chắc chắn liên quan đến chiến tranh kéo dài.

Sản xuất chăn nuôi được dự báo sẽ tăng trưởng chậm hơn so với trồng trọt, chỉ ở mức 0,4%/năm trong thập kỷ tới. Tây Âu vẫn chiếm phần lớn chăn nuôi trong khu vực, nhưng khi quá trình chuyển đổi sang bền vững môi trường tiếp tục, tỷ trọng của khu vực này sẽ giảm nhẹ trong thập kỷ tới từ 62% trong năm 2019-2021 xuống còn 60% vào năm 2031. Tăng trưởng mạnh mẽ hơn ở phần còn lại của khu vực sẽ dẫn đến sự mở rộng tổng giá trị sản xuất chăn nuôi thêm 3% trong thập kỷ tới, với đóng góp của Đông Âu tăng lên 29% và Trung Á lên 12% tổng giá trị của khu vực. Ngoại trừ Trung Á, nơi hàng tồn kho vật nuôi vẫn đang mở rộng, tăng trưởng sản xuất vật nuôi sẽ chủ yếu dựa vào thảm canh dẫn đến trọng lượng thịt cao hơn. Tổng khối lượng chăn nuôi gia cầm dự kiến sẽ tăng mạnh trên toàn khu vực, tăng 6% vào năm 2031. Sản lượng cá dự kiến sẽ tăng 7% trong thập kỷ tới. Tăng trưởng 12% trong sản lượng nuôi trồng thủy sản, so với 6% đối với đánh bắt thủy sản, sẽ dẫn đến tỷ trọng nuôi trồng thủy sản trong tổng sản lượng cá trong khu vực tăng lên 21% vào năm 2031.

Tiêu thụ

Thực phẩm có nguồn gốc động vật tăng trưởng chậm ở Tây Âu, nhưng triển vọng ở Trung Á tốt hơn

Doanh số bán lẻ tăng và nhiều thực phẩm được tiêu thụ tại nhà hơn, trong khi người tiêu dùng có xu hướng mua sắm trực tuyến, nhiều sản phẩm địa phương hơn cũng như các sản phẩm có thời hạn sử dụng lâu hơn. Đại dịch càng làm nổi bật các xu hướng tiêu dùng đã thể hiện rõ ràng trước đó, chẳng hạn như nâng cao nhận thức về thói quen ăn uống lành mạnh, điều này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu trong trung hạn. Trong khi nhiều tác động của đại dịch đã giảm bớt, những lo ngại mới về an ninh lương thực đã nảy sinh ở Đông Âu, do chiến tranh đang diễn ra.

Lượng calo trung bình ngày hiện có trên đầu người trong khu vực cao hơn nhiều so với mức trung bình toàn cầu và được dự đoán sẽ tăng thêm 35 kcal/ngày để vượt quá 3 440 kcal/ngày. Sự gia tăng tập trung ở Đông Âu và Trung Á và chủ yếu là do tăng tiêu thụ các sản phẩm từ sữa, ngũ cốc và các loại đậu. Mặc dù tiêu thụ đường ở Trung Á tiếp tục tăng, nhưng nhu cầu đường trong toàn khu vực được dự báo sẽ tiếp tục giảm do ý thức về sức khỏe của người tiêu dùng châu Âu được nâng cao.

Tiêu thụ đường bình quân đầu người ở Tây Âu được dự đoán sẽ giảm 1,3 kg/năm vào năm 2031, nhưng sẽ vẫn cao hơn gần 60% so với mức trung bình của thế giới.

Lượng protein săn có trên đầu người trong khu vực được dự đoán sẽ tăng 2 g/ngày lên 105 g/ngày vào năm 2031, cao hơn khoảng 20% so với mức trung bình của thế giới là 87 g/ngày. Lượng protein hiện có từ các nguồn gốc thực vật đang tăng lên, với mức tiêu thụ đậu bình quân đầu người tăng 20% nhờ nó có liên quan đến kết quả sức khỏe tích cực, vượt quá 5 kg bình quân đầu người mỗi năm vào năm 2031. Tuy nhiên, mức tăng lớn nhất về lượng protein săn có vẫn sẽ là có nguồn gốc từ các sản phẩm động vật, đặc biệt là tiêu thụ sữa ngày càng tăng. Trên toàn khu vực, nhu cầu thực phẩm trong nước đối với các sản phẩm từ sữa sẽ vẫn cao, đóng góp 12% lượng calo hàng ngày vào năm 2031 và 20% vào nguồn cung cấp protein hàng ngày. Xu hướng tiêu dùng phản ánh xu hướng sản xuất, với mức tiêu thụ bình quân đầu người giảm ở Tây Âu, tương phản với mức tăng mạnh ở Đông Âu và Trung Á.

Mức tiêu thụ thịt đang tăng với tốc độ chậm hơn nhưng dự kiến vẫn đạt 59kg/người/năm vào năm 2031, cao hơn 2,2% so với mức cơ sở. Phần lớn sự tăng trưởng này sẽ đến từ gia cầm, với mức tiêu thụ tăng 1,4kg lên mức tiêu thụ bình quân 24kg/người mỗi năm. Ngược lại, lượng tiêu thụ thịt lợn và thịt bò được dự đoán sẽ giảm trung bình hàng năm là 0,1%/năm trong thập kỷ tới. Tiêu thụ cá cũng dự kiến sẽ giảm nhẹ vào năm 2031, nhưng ở Tây Âu, mức tiêu thụ bình quân đầu người sẽ duy trì ở mức 1kg/người trên mức trung bình toàn cầu là 18,8 kg vào năm 2031. Ngược lại, mức tiêu thụ cá ở Trung Á sẽ chỉ đạt 3 kg/người hoặc khoảng 16% mức trung bình toàn cầu.

Do phần lớn tầm quan trọng của các sản phẩm động vật, khu vực này tiêu thụ gần một phần tư thức ăn protein toàn cầu. Tăng trưởng chậm hơn trong lĩnh vực chăn nuôi, cùng với những cải thiện về hiệu quả sử dụng thức ăn chăn nuôi sẽ dẫn đến tăng trưởng chậm hơn ở mức 3%, so với mức 10% trong thập kỷ qua. Đến năm 2031, tỷ lệ sử dụng thức ăn chăn nuôi của khu vực đối với toàn cầu có thể giảm xuống gần 22%. Giống như sản xuất chăn nuôi, phần lớn tăng trưởng trong sử dụng thức ăn chăn nuôi là ở Đông Âu và Trung Á, trái ngược với sự giảm nhẹ ở Tây Âu. Việc sử dụng thức ăn cho bắp dự kiến sẽ mở rộng nhanh hơn lúa mì, phản ánh sự tăng trưởng sản xuất thịt mạnh hơn ở Đông Âu và một sự suy giảm nhỏ ở Tây Âu.

Thương mại

Cuộc chiến Nga - Ukraine hạn chế tăng trưởng xuất khẩu nông sản

Các mô hình thương mại trong khu vực châu Âu và Trung Á đã thay đổi đáng kể trong thập kỷ qua. Vốn là một trong những nước nhập khẩu ròng lớn nhất, thâm hụt thương mại của nước này đối với các sản phẩm nông nghiệp đã giảm xuống dưới một nửa so với một thập kỷ trước. Sự thay đổi này được thúc đẩy bởi xuất khẩu gia tăng từ Đông Âu, nơi đã chuyên đổi để trở thành nước xuất khẩu ròng. Sự thay đổi này được cung cấp bởi Ukraine và Nga, nơi mà sự kết hợp giữa tăng năng suất và tăng trưởng nhu cầu nội địa chậm đã dẫn đến thặng dư có thể xuất khẩu ngày càng tăng, nhưng cuộc chiến hiện tại cũng sẽ ảnh hưởng đáng kể đến triển vọng. Với diện tích đất đai rộng lớn, cả Đông Âu và Trung Á đều có lợi thế so sánh trong sản xuất ngũ cốc và hạt có dầu. Cùng với mức tiêu dùng vốn đã cao và tốc độ tăng dân số hạn chế, điều này sẽ cho phép tăng trưởng xuất khẩu để cải thiện hơn nữa cán cân thương mại ròng của khu vực, giả định rằng năng lực sản xuất sau chiến tranh được phục hồi. Theo các giả định cơ bản, khu vực này dự kiến sẽ trở thành khu vực xuất khẩu ròng lớn thứ hai sau Mỹ Latinh và Caribe vào năm 2031, nhưng chiến tranh kéo dài có thể ngăn cản điều này thành hiện thực.

Tổng khối lượng xuất khẩu từ khu vực này có thể tăng 23% vào năm 2031 so với giai đoạn cơ sở, được cung cấp bởi mức tăng 28% trong xuất khẩu cây trồng, nhưng mức tăng nhẹ hơn 10% trong xuất khẩu nguồn gốc chăn nuôi. Xuất khẩu ngũ cốc của khu vực dự kiến sẽ tăng từ 161 triệu tấn trong giai đoạn cơ sở lên 190 triệu tấn vào năm 2031, tăng 18%, với khu vực Cận Đông và Bắc Phi là nước nhập khẩu chính. Điều này sẽ chứng kiến thị phần toàn cầu của nó tăng lên 36% vào năm 2031. Trong khi lúa mì vẫn là mặt hàng đóng góp chính cho xuất khẩu ngũ cốc từ khu vực, thì tầm quan trọng của bắp đang tăng lên. Xuất khẩu lúa mì dự kiến sẽ tăng 18%, chiếm 55% xuất khẩu toàn cầu, trong khi xuất khẩu bắp dự kiến sẽ tăng 17%, chiếm 22% thị trường toàn cầu vào năm 2031.

Khu vực này là nhà xuất khẩu lớn các sản phẩm thịt và sữa, nhưng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thịt và sữa chậm hơn so với các sản phẩm trồng trọt. Khu vực này chiếm 44% sản lượng thịt heo toàn cầu và 29% xuất khẩu gia cầm toàn cầu. Điều này chủ yếu đến từ Liên minh châu Âu, chiếm 90% thịt lợn, 59% thịt bò và 53% xuất khẩu gia cầm từ khu vực. Sự đóng góp của EU làm cho khu vực này trở thành nhà xuất khẩu sản phẩm sữa quan trọng nhất trên thế giới. Khu vực này cung cấp 41% lượng sữa xuất khẩu toàn cầu, trong đó 70% đến từ Liên minh Châu Âu. Đối với phô mai, khu vực này chiếm 59% thị trường toàn cầu, trong đó Liên minh châu Âu đóng góp 40%. Đối với tất cả các sản phẩm sữa, thị phần của cả Liên minh Châu Âu và khu vực trong thương mại toàn cầu sẽ tăng lên. Đến năm 2031, Liên minh Châu Âu sẽ đóng góp lần lượt 44%, 31%, 34% và 11% vào xuất khẩu toàn cầu đối với pho mát, bơ, sữa bột giày (SMP) và sữa bột nguyên kem (WMP).

Dẫn đầu bởi Nga và Na Uy, khu vực này cũng là một trong những nhà xuất khẩu thủy sản quan trọng nhất. Xuất khẩu của Nga có thể tăng 31% trong giai đoạn dự báo 10 năm, hỗ trợ tăng trưởng 14% ở khu vực Châu Âu và Trung Á.

Mặc dù tăng trưởng chậm hơn, khu vực này vẫn là một nhà nhập khẩu lớn. Phần lớn thương mại này diễn ra trong khu vực, với Trung Á là nhà nhập khẩu ròng các sản phẩm chăn nuôi. Xét tầm quan trọng của thương mại nội khối, tình trạng cấm vận nhập khẩu của Nga trong tương lai và chiến tranh sẽ ảnh hưởng đến thương mại trong và ngoài khu vực. Ngoài chăn nuôi, khu vực Châu Âu và Trung Á là khu vực nhập khẩu bột protein lớn, nơi tỷ trọng nhập khẩu toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 34% trong giai đoạn cơ sở xuống còn 29% vào năm 2031. Khu vực này cũng nhập khẩu một lượng đáng kể đường và ethanol, nhưng điều này được dự báo sẽ giảm trong giai đoạn dự báo và có thể bị ảnh hưởng bởi các biện pháp trừng phạt trong lĩnh vực năng lượng do chiến tranh.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN THỦY SẢN

* Tháng 01/2023, xuất khẩu thủy sản giảm sâu nhưng nhiều thị trường nhỏ vẫn tăng trưởng dương

Theo thông tin từ Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), bối cảnh khách quan chung của tháng 1 có kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán tất yếu khiến cho XK hàng hóa Việt Nam giảm so với cùng kỳ. Riêng XK thủy sản giảm gần một nửa chỉ đạt 456 triệu USD. Còn có một lý do quan trọng khác là: lạm phát, suy thoái kinh tế khiến đơn hàng từ các thị trường chính sụt giảm mạnh.

XK tất cả các dòng sản phẩm chính đều giảm sâu từ 30-60% so với cùng kỳ. Trong đó, XK cá tra giảm mạnh nhất 61%, tôm giảm 55%, XK cá ngừ giảm 43%, mực bạch tuộc giảm 32%...

XK sang các thị trường chủ lực đều sụt giảm mạnh 30 – 66%. Trong đó, XK sang Mỹ giảm nhiều nhất, 66%, Trung Quốc giảm 54%, EU giảm 48%, Nhật Bản giảm 32%, Hàn Quốc giảm 29%...

Biến động kinh tế, chính trị, tình trạng lạm phát hàng hóa và thực phẩm đã và đang tiếp tục ảnh hưởng đến nhu cầu tiêu dùng cũng như kế hoạch kinh doanh tại các thị trường, nhất là những thị trường lớn của thủy sản Việt Nam, như Mỹ, EU, Nhật Bản, Trung Quốc...

Năm 2023, lạm phát toàn cầu được dự báo giảm, nhưng vẫn là rủi ro lớn nhất đối với các nhà kinh doanh NK và là gánh nặng với người tiêu dùng, nhất là các hộ gia đình có thu nhập thấp.

Sự trở lại của thị trường Trung Quốc được cho là cơ hội lớn. Nhưng sức tiêu thụ và NK hàng hóa của Trung Quốc cũng có thể gây biến động mạnh đối với thị trường năng lượng, tài chính, tiền tệ thế giới. Có thể nhiều ngân hàng ở các nước lớn sẽ tăng lãi suất, ảnh hưởng đến các nhà NK.

Tuy nhiên, các DN XK thủy sản Việt Nam luôn năng động, linh hoạt lựa chọn cho mình những lối đi phù hợp trong mọi điều kiện khó khăn từ thị trường, cũng như nguồn cung nguyên liệu. Trong bức tranh XK có phần khiêm tốn của tháng đầu năm, đã có những thay đổi đáng chú ý.

Trong khi XK sang các thị trường lớn giảm mạnh vì đơn hàng ít thì đã có sự chuyển dịch sang các thị trường nhỏ, thị trường ngách và ghi nhận các mức tăng trưởng đột phá về doanh số: VD, Israel tăng 17%, Indonesia tăng 8%, Cameroon tăng 15%, Lào tăng 21%, Chile tăng 7%.

Ngay trong khối EU, hầu hết các nước thành viên đều giảm 30 – 60% NK thủy sản Việt Nam, nhưng vẫn có thị trường nổi bật với mức tăng 435% như Phần Lan. XK sang Ba Lan cũng chỉ giảm nhẹ 1%, Síp giảm 5%...

Các sản phẩm XK cũng được đa dạng hóa và vẫn có nhiều loài được các thị trường tăng mạnh NK trong tháng qua. Trong khi XK tôm nói chung giảm thì XK tép (ruốc) tăng 18%, XK cá nục tăng 81%, cá đồng tăng 44%, cá hoki tăng 147%, cá lù đù tăng 493%, cá trôi tăng 167%, hàu tăng 11%, ốc tăng 107%.

Lạm phát là thách thức nhưng cũng là cơ hội cho nhiều loài thủy sản có giá hợp túi tiền người tiêu dùng thu nhập thấp. Quan trọng là các DN nắm bắt sự thay đổi của các thị trường để thích ứng và có chiến lược phù hợp.

Từ quý cuối năm 2022, nhiều DN rơi vào khó khăn vì đơn hàng giảm, hoặc không có đơn hàng. Tuy nhiên, tháng 1 vẫn duy trì hơn 700 đơn vị tham gia XK thủy sản. Những DN tôm và cá tra hàng đầu đều bị sụt giảm từ 40-70% doanh số XK so với cùng kỳ năm trước. Một số DN vẫn có tăng trưởng dương trong tháng 1 như Công ty CP Thực phẩm XK Trung Sơn Long An tăng 4%, Trung Sơn Hưng Yên giảm nhẹ 3%, Công ty Việt Cường tăng 51%, Mariso Việt Nam tăng 21%...

Quý I năm nay, XK thủy sản có thể vẫn thấp hơn khoảng 15 -20% so với cùng kỳ năm trước. Sau các hội chợ thủy sản Quốc tế vào tháng 3, tháng 4, cùng với sự thích ứng và bùng nổ của thị trường Trung Quốc cũng như sự điều chỉnh chiến lược của các DN thủy sản Việt Nam, hy vọng XK sẽ hồi phục dần từ quý II.

* VASEP: Xuất khẩu cá tra tăng trưởng tốt ở những nước lạm phát cao

Tháng 01/2023, XK cá tra giảm sâu 61% so với cùng kỳ năm ngoái chỉ đạt 84 triệu USD. Lạm phát là nguyên nhân chính khiến XK sang các thị trường lớn đều giảm mạnh, tuy nhiên cá tra có tín hiệu tốt ở chính những thị trường bị lạm phát cao.

Lạm phát giá thực phẩm và nhiên liệu tại các nước ảnh hưởng mạnh nhất đến các hộ gia đình thu nhập thấp khiến họ hạn chế chi tiêu kể cả với những thực phẩm có giá phù hợp như cá tra. Ngoài ra, nguyên nhân khách quan khiến XK giảm trong tháng 1 là do tháng này có kỳ nghỉ Tết Nguyên đán, các nhà máy chế biến XK thủy sản đều ngừng SX từ 7-10 ngày.

Do vậy, XK cá tra sang hầu hết các thị trường và khỏi thị trường chính đều giảm từ 30 – 60% so với cùng kỳ năm trước. Những DN XK cá tra hàng đầu đều bị giảm doanh số từ 40-57% so với tháng 01/2022. Trong đó, Vĩnh Hoàn và IDI Corp đều giảm 57%, Vạn Đức Tiền Giang giảm 55%, NAVICO giảm 47% và GODACO giảm 40%.

XK sang thị trường Mỹ giảm sâu nhất, giảm 81% chỉ đạt 10 triệu USD. Mặc dù thủy sản có lạm phát giá thấp hơn nhiều so với các loại thực phẩm khác tại Mỹ, nhưng tiêu thụ vẫn bị sụt giảm. Một cuộc khảo sát gần đây cho thấy 96% người Mỹ bị ảnh hưởng lạm phát, trong đó 50% bị áp lực nặng nề bởi lạm phát.

Năm 2022, Mỹ đã nhập khẩu 129 nghìn tấn cá tra từ Việt Nam, tăng 21% về khối lượng và 74% về giá trị so với năm 2021 do giá tăng 53%.

XK cá tra sang Trung Quốc & Hồng Kông giảm 62% chỉ đạt 13 triệu USD trong tháng 1/2023. Kỳ nghỉ Tết Nguyên đán dài ngày đúng vào thời điểm Trung Quốc vừa dỡ bỏ hoàn toàn kiểm soát dịch Covid, nhiều gia đình đi du lịch, ăn uống bên ngoài, do vậy hoạt động NK và nhu cầu tiêu thụ cá tra cũng phần nào bị ảnh hưởng.

Tuy nhiên, thị trường này đang có tín hiệu khởi sắc. Sau hội nghị thúc đẩy giao thương nông sản, thủy sản Việt - Trung vừa diễn ra, Trung Quốc đã đẩy mạnh mua cá tra với số lượng lớn, đẩy giá cá tra nguyên liệu trong nước tăng vọt từ 28 nghìn đồng lên 31 nghìn đồng/kg.

Lạm phát khiến người tiêu dùng thu nhập thấp hạn chế chi tiêu, nhưng chính tại các thị trường có lạm phát cao thì cá tra Việt Nam lại có những tín hiệu tốt hơn, nhất là các nước châu Âu. Điển hình là Anh, Đức, Rumani, Ba Lan, Chile...Những nước này đều đang bị lạm phát cao từ 7 -11%.

Cụ thể là, trong tháng 01/2023, trong khi XK sang các nước khác đều sụt giảm với tốc độ 2 con số thì XK sang Đức tăng đột phá 78%, sang Anh chỉ giảm nhẹ 2%, sang Rumani tăng 310%. Dù chỉ tăng 4%, Singapore cũng nằm trong danh sách hiếm hoi các thị trường có tăng trưởng dương NK cá tra Việt Nam trong tháng đầu năm 2023.

Dự báo trong quý I, các thị trường chưa có những thay đổi đột phá sau nhiều tháng bị suy giảm nhu cầu vì lạm phát. Tuy nhiên, XK có thể sẽ hồi phục từ quý II, khi mà thị trường Trung Quốc thích ứng với bối cảnh mới cùng với việc các DN tham gia các Hội chợ thủy sản quốc tế vào tháng 3 và tháng 4 tạo thêm các cơ hội ký kết hợp đồng.

Thực tế hiện nay, nhu cầu từ Trung Quốc bắt đầu nhiều lên, giá nguyên liệu trong nước tăng nhưng các DN lại khó thu mua được nguyên liệu vì nhiều bà con nông dân treo ao và nhiều người đê cá quá lúra, kích cỡ lớn không phù hợp XK. Điều quan trọng là các DN cần chủ động sẵn sàng nguồn nguyên liệu để đón nhận cơ hội từ thị trường.

* Xuất khẩu tôm sang Nhật Bản dự báo vẫn ổn định trong năm 2023

Nửa đầu tháng 1/2023, XK tôm sang Nhật Bản đạt gần 20 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2022. Sau khi tăng trưởng 16% trong năm 2022, XK tôm sang Nhật Bản trong năm 2023 dự kiến vẫn ổn định.

Nhật Bản được coi là thị trường NK tôm khá ổn định của Việt Nam trong năm 2022. Năm 2022, XK tôm sang thị trường này đạt 671 triệu USD, tăng 16% so với năm 2021.

Thị trường Nhật Bản đòi hỏi kỹ thuật chế biến tinh tế, tỉ mỉ phù hợp năng lực chế biến của các DN Việt Nam. Trong bối cảnh tôm nguyên liệu trong nước giảm do dịch bệnh trên tôm, các sản phẩm tôm Việt Nam chế biến XK sang Nhật Bản giữ được ưu thế hơn so với các thị trường khác.

Trong 3 nhóm sản phẩm tôm chính XK sang Nhật Bản, giá trị XK tôm sú chế biến tăng mạnh nhất 25%. Mức tăng trưởng mạnh trong XK sản phẩm này sang Nhật Bản giúp kéo đà tăng trưởng XK các sản phẩm tôm nói chung sang Nhật Bản. Nhu cầu tiêu thụ tôm sú từ Việt Nam của người dân Nhật Bản đang tăng lên trong vòng 1 năm trở lại đây.

Việt Nam chủ yếu XK sang Nhật các sản phẩm XK chính như tôm phủ bột đông lạnh, tôm sú hấp đông lạnh, tôm tẩm bột xù, tôm thẻ PDTG Nobashi đông lạnh, tôm sú hấp đông lạnh, tôm chân trắng còn đuôi luộc đông lạnh, tôm thẻ bóc vỏ bỏ đầu bỏ đuôi hấp đông lạnh, tôm thẻ hấp đông lạnh... Các doanh nghiệp XK nhiều tôm nhất sang Nhật Bản như công ty CP Tập đoàn TS Minh Phú, công ty CP Thực phẩm São Ta, công ty CP TS Minh Phú-Hậu Giang, công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, công ty CP Hải Việt, ...

Giá trung bình XK tôm chân trắng đông lạnh của Việt Nam sang Nhật Bản năm 2022 dao động từ 5,1-10,6 USD/kg. Giá trung bình tôm sú đông lạnh XK sang Nhật Bản dao động từ 10,8-15,8 USD/kg.

Theo Trung tâm Thương mại Thế giới (ITC), 11 tháng đầu năm 2022, NK tôm của Nhật Bản đạt 2,2 tỷ USD, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021. Top 3 nguồn cung lớn nhất gồm Việt Nam, Ấn Độ, Indonesia.

Trong top nguồn cung tôm chính cho Nhật Bản, Ấn Độ ngày càng giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường Nhật.

Mới đây, Chính phủ Nhật Bản đã nâng dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2023 nhờ dự báo tiêu dùng cá nhân và đầu tư doanh nghiệp sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ. Gói kích thích 29,1 nghìn tỷ Yên của chính phủ nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp đối phó với khó khăn do lạm phát. Triển vọng tiêu dùng cá nhân của Nhật Bản năm 2023 dự kiến tăng 2,2% nhờ sự khôi phục của lĩnh vực du lịch - dịch vụ và chính sách tăng lương cho người lao động của các doanh nghiệp trong nước vào đợt tăng lương vào mùa xuân. Với những thông tin tích cực về nền kinh tế Nhật Bản, dự kiến XK tôm Việt Nam sang thị trường này vẫn ổn định trong năm 2023.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

* Nguyên nhân khiến giá thịt heo thấp

Từ quý 4/2022 đến nay, giá heo hơi liên tục duy trì ở mức thấp, khoảng 50.000 đồng/kg khiến hoạt động chăn nuôi của người dân và các doanh nghiệp (DN) rơi vào cảnh khó khăn, thua lỗ. Theo các chuyên gia, giá heo hơi giảm còn có nguyên nhân người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, và có xu hướng không còn chuộng thịt heo.

Người dân, doanh nghiệp đồng loạt báo lỗ

Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 là một mùa Tết lạ với người chăn nuôi heo. Dù đó là giai đoạn cao điểm tiêu thụ thịt heo, nhưng giá heo hơi vẫn duy trì ở mức thấp 51.000 - 54.000 đồng/kg. Sau Tết Nguyên đán, thị trường cũng không có biến chuyển nhiều khi giá heo hơi chỉ biến động trong khoảng từ 1.000 - 2.000 đồng/kg. Theo ghi nhận của phóng viên Tiền Phong, giá heo hơi trên cả nước ngày 22/2 vẫn duy trì ở mức thấp, giao dịch trong khoảng từ 49.000 - 52.000 đồng/kg. Với mức giá này, người chăn nuôi thua lỗ khoảng 3.000-4.000 đồng/kg.

Ông Trần Văn Việt, (huyện Thanh Oai, TP Hà Nội) cho biết, gia đình ông nuôi khoảng 200 con heo với chi phí bỏ ra cả tỷ đồng, chưa kể 300 triệu đồng để đầu tư hệ thống chuồng trại. Thời gian qua, giá heo hơi lên xuống thất thường, cộng thêm giá thức ăn chăn nuôi tăng phi mã nên đến nay gia đình ông vẫn chưa thu hồi được vốn. "Riêng tiền cám đã chiếm khoảng 60-70% chi phí nuôi heo, chưa kể chi phí vắc xin, tiền điện, thuê công nhân. Hiện, giá thành nuôi heo của gia đình khoảng 53.000-54.000 đồng/kg, trong khi giá bán chỉ còn 50.000 đồng/kg. Ước tính mỗi con heo xuất chuồng, gia đình bị lỗ gần 400.000 - 600.000 đồng", ông Việt nói.

Ông Nguyễn Đình Tường, Giám đốc Hợp tác xã Chăn nuôi dịch vụ Đồng Tâm (huyện Quốc Oai), cho biết, với quy mô chuồng nuôi 300 con heo, mỗi tháng hợp tác xã cung cấp cho thị trường hơn 30 tấn thịt heo, 4-7 tấn giò, chả, xúc xích... Tuy nhiên, với giá heo hơi được thương lái báo những ngày qua xuống mức 51.000-54.000 đồng/kg, hợp tác xã càng bán càng lỗ. "Để giảm thiểu thua lỗ, chúng tôi phải kết hợp bán sỉ cho thương lái và giao thịt heo lẻ cho các điểm nhà hàng, quán ăn, sạp chợ. Nhưng hơn 2 năm qua, giá heo hơi biến động mạnh, cộng thêm giá thức ăn tăng phi mã, hợp tác xã cũng kiệt sức. Sắp tới chúng tôi phải thu hẹp đàn xuống vì mất vốn", ông Tường cho hay.

Không chỉ các hộ chăn nuôi và trang trại, các doanh nghiệp (DN) lớn chăn nuôi heo cũng đang báo lỗ hoặc kinh doanh sa sút do giá heo duy trì ở mức thấp trong thời gian dài. Tập đoàn Dabaco Việt Nam (Dabaco) - DN chăn nuôi nội địa đứng đầu thị trường lần đầu tiên trong 5 năm cũng thông báo lỗ ròng hơn 79 tỷ đồng trong quý 4/2022, trong khi cùng kỳ năm 2021 lãi gần 112 tỷ đồng.

Bà Bùi Hương Giang, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam, cho biết, trong quý 4/2022, sản lượng ở mảng kinh doanh chăn nuôi của DN tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước do các trang trại đầu tư mới đã đi vào vận hành. Tuy vậy, do ảnh hưởng từ giá heo hơi, lợi nhuận sau thuế của DN trong quý giảm gần 10 lần so với cùng kỳ năm 2021.

Hết chuộng thịt heo?

Ông Nguyễn Văn Trọng, nguyên Phó Cục trưởng Cục Chăn nuôi (Bộ NN&PTNT) cho rằng, với sự đầu tư của hàng loạt "đại gia" trong lĩnh vực chăn nuôi thời gian qua, nguyên nhân đẩy giá heo hơi giảm và duy trì ở mức thấp chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng thấp, chứ không phải xuất phát từ việc tăng nguồn cung. Theo ông Trọng, hiện tình hình kinh tế khó khăn khiến nhiều DN giảm đơn hàng và cắt giảm lao động, trong đó nhiều nơi chỉ duy trì lao động khoảng 50%. Điều

này khiến thu nhập của người dân giảm, dẫn đến sức tiêu thụ của các quán ăn, nhà hàng, bếp ăn khu công nghiệp... cũng xuống mức thấp.

“Tín hiệu này bắt đầu từ cuối quý 3/2022 sau khi giá heo hơi có thời điểm tăng đến 75.000 đồng/kg rồi từ đó tụt dốc cho đến nay. Chưa kể, số lượng heo đến tuổi xuất chuồng của cả các DN chăn nuôi lớn và các nông hộ dồn toa đến thời điểm này vẫn chưa tiêu thụ hết nguồn cung ở mức cao. Nếu tình trạng tiếp tục diễn ra, khả năng giá heo hơi vẫn sẽ giữ ở mức như hiện nay đến quý 2”, ông Trọng nói.

Theo thống kê của Công ty Ipsos Strategy 3, chuyên nghiên cứu thị trường đa quốc gia (có trụ sở tại Pháp), mức tiêu thụ thịt heo theo đầu người ở Việt Nam đang giảm đáng kể. Năm 2018, mức tiêu thụ thịt heo của Việt Nam đạt định khoảng 32 kg/người/năm. Năm 2022, con số này giảm chỉ còn khoảng 23,5 kg/người/năm và dự báo mức tiêu thụ trung bình này tiếp tục duy trì trong năm 2023.

Nguyên nhân là người dân có nhiều sự lựa chọn về nguồn đậm đà động vật thay thế khác ngoài thịt heo. Các sản phẩm thịt gia cầm, hải sản, thịt bò đang dần được người Việt ưa chuộng hơn. Số liệu của Ipsos Strategy 3 cùng thời điểm cho thấy, mức tiêu thụ thịt gia cầm của người Việt đã tăng từ 12 kg/người/năm lên 20 kg/người/năm trong năm 2022; tiêu thụ thịt bò tăng từ 0,5 - 0,7 kg lên mức 5 kg/người/năm.

Theo TS Nguyễn Quốc Đạt, Phó Chủ tịch Hội Chăn nuôi Việt Nam, tính đến hết năm 2022, tổng đàn heo cả nước đạt khoảng 26,2 triệu con (chưa bao gồm lợn con theo mẹ), tăng 11,4% so với năm 2021. Do đó, để ổn định giá heo hơi trong nước, Việt Nam cần sớm thương thảo với các nước để xuất khẩu thịt heo chính ngạch.

Phó Chủ tịch Hội Chăn nuôi Việt Nam cho biết, khoảng 5 năm trước, Việt Nam đã ký biên bản ghi nhớ với Trung Quốc về việc xuất khẩu heo hơi chính ngạch nhưng đến nay vẫn chưa xúc tiến thành công. Trong khi đó, việc xuất khẩu tiêu ngạch bấp bênh, nhiều rủi ro. Cuối năm 2022, giá heo hơi ở Trung Quốc cao hơn giá heo hơi Việt Nam khoảng 15.000 đồng/kg. “Trường hợp này, nếu xuất khẩu được chính ngạch, DN và người dân sẽ thu được lợi nhuận lớn, đồng thời giúp giá heo trong nước không bị tụt”, ông Đạt nói.

Thứ trưởng Bộ NN&PTNT Phùng Đức Tiến cho biết, để heo hơi xuất khẩu chính ngạch sang các nước, Việt Nam cần phải xây dựng hàng rào kỹ thuật nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn Tổ chức Thú y thế giới (OIE). Vừa qua, sau khi có văn bản của Chính phủ chỉ đạo nghiên cứu xuất khẩu thịt heo sang Trung Quốc, Bộ đã chỉ đạo Cục Thú y tìm hiểu, nghiên cứu xây dựng vùng an toàn dịch bệnh theo quy định của OIE để đáp ứng cho nhiều thị trường khác nhau.

“Làm được điều này không phải đơn giản, cần có sự tham gia của các tập đoàn, DN lớn liên kết xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm..., đồng thời chúng ta phải kiểm soát tốt các loại dịch bệnh trong nước. Việt Nam đã có một số vùng an toàn dịch bệnh tại khu vực Đông Nam bộ. Bộ NN&PTNT đang xúc tiến đàm phán kỹ thuật trở lại với Trung Quốc để sớm có thể xuất khẩu chính ngạch heo hơi”, ông Tiến nói.

* Ngành chăn nuôi dự báo chưa hết khó khăn ít nhất đến quý 2/2023

Được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2023, thế nhưng liệu những khó khăn đối với các doanh nghiệp trong chuỗi sản xuất đã được giải quyết?

Năng lực sản xuất nguyên liệu vẫn là hạn chế với các doanh nghiệp trong nước

Trong năm 2022, giá thức ăn chăn nuôi liên tục tăng cao, dịch tả heo châu Phi và yếu tố đầu ra không ổn định là những khó khăn mà các doanh nghiệp trong chuỗi ngành chăn nuôi tại Việt Nam đã phải đối mặt.

Tuy vậy, theo báo cáo từ Cục chăn nuôi (Bộ NN&PTNT), giá trị sản xuất chăn nuôi trong năm 2022 ước tính vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 5,93% so với năm 2021. Tính đến hiện nay, Việt Nam đã lọt top 10 thế giới về sản lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Cục Chăn nuôi cũng đặt mục tiêu năm 2023, giá trị sản xuất ngành chăn nuôi sẽ tiếp tục đà tăng từ 4,5% đến 5,0%.

Mặc dù triển vọng chung của toàn ngành được dự báo khả quan và tiềm năng, nhưng để đạt được con số tăng trưởng trên, các nhà sản xuất đòi hỏi sẽ phải thích nghi tốt hơn với các vấn đề, khó khăn bùng nổ kể từ sau dịch Covid – 19. Trong đó, chủ động nguồn thức ăn chăn nuôi vẫn là bài toán nan giải đặt ra cho các doanh nghiệp nội địa từ nhiều năm nay.

Ông Phạm Thanh Dương, Phó Tổng Giám đốc MXV cho biết: “Mặc dù là nước nông nghiệp nhưng thực tế nước ta lại phải nhập khẩu phần lớn nông sản làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (TACN). Các loại nguyên liệu này chiếm tới trên 60% giá TACN thành phẩm nên chỉ cần thị trường nông sản thế giới biến động thì sẽ tác động ngay tức thì đến toàn bộ chuỗi chăn nuôi trong nước”.

Ngô, đậu tương, khô đậu tương và lúa mì là những loại nông sản chính mà các doanh nghiệp Việt Nam phải chi hàng tỷ USD để nhập về hàng năm. Hiện nay, Việt Nam đang là nước nhập khẩu khô đậu tương lớn thứ 3 và nhập khẩu bắp lớn thứ 6 trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, Việt Nam đã nhập khẩu 9,57 triệu tấn bắp trong năm 2022 với kim ngạch đạt 3,33 triệu USD; giảm 4,5% về khối lượng nhưng tăng 15,6% về giá trị so với năm 2021. Nhập khẩu đậu tương năm 2022 đạt 1,84 triệu tấn với giá trị đạt 1,28 tỷ USD, giảm 8,9% về lượng nhưng tăng 7,9% về giá trị so với năm 2021.

Trong lĩnh vực chăn nuôi, giống và thức ăn được xem là 2 điều kiện cơ bản và quan trọng nhất quyết định tính cạnh tranh trong ngành. Để cạnh tranh với các doanh nghiệp ngoại với nguồn lực tài chính dồi dào cùng công nghệ tiên tiến, các nhà máy và hộ sản xuất vẫn cần giải pháp dài hạn cho mắt xích nguồn nguyên liệu.

Áp lực đầu ra khiến ngành chăn nuôi chịu thiệt kép

Trong vài tháng trở lại đây, giá heo hơi không có nhiều biến động, thậm chí còn có xu hướng giảm trong giai đoạn cận Tết nguyên đán, thời điểm mà nhu cầu vốn được kỳ vọng sẽ tăng mạnh nhất trong năm. Giá heo hơi bình quân cả nước được ghi nhận chỉ biến động trong khoảng 50.000 – 53.000 đồng/kg trong 2 tháng đầu năm và vẫn chưa thể vượt mức giá thành sản xuất trung bình (khoảng 55.000 đồng/kg).

Nguồn cung thịt heo dồi dào trong khi sức tiêu thụ yếu là nguyên nhân khiến cho giá heo hơi liên tục lao dốc kể từ đợt “sốt giá” vào tháng 7 năm ngoái. Theo báo cáo từ Tổng cục Thống kê, ước tính tổng số lượng lợn của cả nước tính đến thời điểm cuối tháng 1 năm nay tăng 10,4% so với cùng thời điểm năm 2022. Cục Xuất nhập khẩu dự báo, trong quý I/2023, mức tiêu thụ thịt nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức thấp so với cùng kỳ các năm trước.

Bức tranh nhu cầu ảm đạm xuất phát Trung Quốc, quốc gia sản xuất hơn 1/3 tổng số lượng thịt heo của thế giới. Sản lượng thịt heo tại thị trường lớn nhất thế giới này năm ngoái đã tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2014. Trong tháng 1/2023, Bộ Nông nghiệp Trung Quốc đã phải kêu gọi nông dân giảm sản lượng thịt heo dư thừa. Nhu cầu của quốc gia tiêu thụ heo chậm lại trong khi năng lực sản xuất dư thừa đã tác động dây chuyền đến giá heo thế giới.

Ngày 6/2, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC) đã đưa ra cảnh báo sớm về giá thịt heo trong nước khi tỷ lệ giá giữa thịt heo và lương thực trên toàn quốc là 4,96:1, cán mốc báo động cấp cao nhất về tình trạng giảm giá quá mức mà nước này đề ra. “Mặc dù nhu cầu được dự báo sẽ tăng trở lại vào cuối quý I/2023 do chính sách mở cửa của Trung Quốc nhưng giá heo có thể sẽ phải bước sang đầu quý III mới có thể ghi nhận sự cải thiện khi nền kinh tế tăng tốc trở lại”, ông Dương cho biết thêm.

Ngành chăn nuôi sê sOrm thoát thế gọng kìm?

Như vậy, bối cảnh thị trường chăn nuôi bước vào đầu năm nay vẫn đang khá mù mịt. Tự chủ nguyên liệu đầu vào vẫn là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới để phát triển bền vững. Tuy nhiên, những biện pháp ngắn hạn như tìm nguồn cung thay thế rẻ hơn hay thay đổi thành phần trong thức ăn để ứng phó với tình hình hiện tại sẽ là ưu tiên. Bên cạnh đó, triển vọng giá nông sản thế giới trong năm 2023 cũng nên được các doanh nghiệp theo dõi để đưa ra chiến lược mua hàng hợp lý.

Theo dữ liệu từ MXV, giá ngô và đậu tương thế giới đang duy trì ở mức cao do đà tăng từ cuối năm trước, được thúc đẩy bởi tình hình hạn hán nghiêm trọng tại Argentina. Dự báo sản lượng đậu tương của nước này trong niên vụ 2022/2023 đã bị Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cắt giảm tới 8,5 triệu tấn so với mức kỳ vọng 49,5 triệu tấn được đưa ra vào đầu niên vụ.

Tuy nhiên, tính cả 3 quốc gia sản xuất lớn ở Nam Mỹ gồm Brazil, Argentina và Paraguay thì tổng sản lượng đậu tương đạt mức 204 triệu tấn, tăng 14,8% so với năm trước. Trong thời gian tới, trọng tâm của thị trường nông sản sẽ dần chuyển sang mùa vụ sắp được gieo trồng tại Mỹ.

“Chi phí phân bón năm nay cũng hạ nhiệt so với cùng kỳ năm trước, nếu như thời tiết không quá bất lợi thi giá nông sản có thể sẽ hạ nhiệt vào quý II và giảm bớt áp lực giá đầu vào cho các doanh nghiệp chăn nuôi”, ông Dương đưa ra dự báo.

Bên cạnh triển vọng cung cầu, các động thái điều chỉnh lãi suất của Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) và tình trạng lạm phát dai dẳng cũng đây kỳ vọng về tỷ giá đồng USD sẽ tăng lên. Điều này sẽ là rủi ro đối với hoạt động nhập khẩu nông sản.

Ngoài ra, triển vọng kinh tế toàn cầu hay cụ thể hơn là khả năng tiêu thụ có hồi phục nhanh chóng hay không của Trung Quốc sau khi mở cửa sẽ quyết định đến giá thành phẩm ngành chăn nuôi. Theo MXV, ngành chăn nuôi Việt Nam vẫn sẽ phải gồng mình trước áp lực kép ít nhất là cho tới quý II/2023.



(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN LÚA GẠO

* Tổng quan thị trường lúa gạo

Giá gạo tăng tại Ấn Độ và Việt Nam, ít thay đổi tại Thái Lan

Tuần qua (tuần kết thúc vào ngày 24/2), giá gạo xuất khẩu từ Ấn Độ và Việt Nam tăng, trong đó gạo Ấn Độ tăng lên mức cao nhất gần 2 năm, do nhu cầu đối với mặt hàng thiết yếu tăng mạnh, ngay cả khi rủi ro nguồn cung toàn cầu kéo dài.

Tại Ấn Độ - nước xuất khẩu gạo hàng đầu, giá gạo 5% tấm ở mức 397-404 USD/tấn, tăng so với 395-402 USD/tấn cách đây 1 tuần.

Giá gạo Việt Nam cùng phẩm cấp tăng lên 457 USD/tấn, so với 455-460 USD/tấn cách đây 1 tuần.

Tại Thái Lan, giá gạo 5% tấm thay đổi nhẹ ở mức 460 USD/tấn, trong bối cảnh nhu cầu yếu. Nguồn cung vụ mới dự kiến bắt đầu vào tháng 3 đến tháng 4/2023, điều này có thể sẽ gây áp lực lên giá gạo nước này thời gian tới.

Theo ông Ronnarong Phoolpipat, Cục trưởng Cục Ngoại thương thuộc Bộ Thương mại, Thái Lan đặt mục tiêu xuất khẩu 7,5 triệu tấn gạo trong năm 2023, giảm từ mức 8 triệu tấn đưa ra trước đó.

Theo các nhà phân tích, dù nhu cầu từ các nước duy trì ở mức cao, tuy nhiên sự tăng giá của đồng Baht có thể khiến gạo Thái Lan đắt hơn so với các đối thủ cạnh tranh.

Bộ Thương mại cũng đặt mục tiêu tiếp tục quảng bá gạo Thái Lan thông qua các sự kiện và hội nghị với các đối tác chính bao gồm Trung Quốc, Việt Nam, Australia và Đức. Năm 2022, xuất khẩu gạo của Thái Lan đạt 7,69 triệu tấn, tăng 22% so với năm 2021, trong đó Iraq là thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất với 1,6 triệu tấn, tiếp theo là Nam Phi, Mỹ và Benin.

Năm nay, Philippines dự kiến tăng gấp đôi lượng gạo nhập khẩu từ Thái Lan

Nikkei Asia dẫn thông tin từ Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan cho biết, xuất khẩu gạo của nước này sang Philippines dự kiến sẽ tăng gấp đôi trong năm 2023, do hạn chế từ các nhà cung ứng đối thủ.

Các thương nhân và nguồn tin khác trong ngành cho biết Philippines đã liên hệ với các nhà xuất khẩu Thái Lan với hy vọng đảm bảo nguồn cung gạo cho quý II. Hiện tại, chính phủ Philippines đang nỗ lực kiềm chế giá của các mặt hàng lương thực thực thiết yếu và không chế lạm phát ở mức cao nhất trong 14 năm.

Lạm phát tại Philippines đã lên tới 8,7% trong tháng 1/2023, mức cao nhất được ghi nhận kể từ tháng 11/2008, một phần do giá lương thực tăng cao. Tổng thống Ferdinand Marcos Jr. đã đồng ý nhập khẩu thêm các sản phẩm nông nghiệp như đường và hành để cải thiện tình trạng thiếu hụt trong nước.

"Tình hình này đã buộc Manila phải mua gạo từ Thái Lan để đáp ứng nhu cầu và kiềm chế lạm phát", một thương nhân ở Thái Lan cho biết.

Philippines dự kiến sẽ tăng gấp đôi lượng gạo nhập khẩu từ Thái Lan từ mức 180.000 tấn của năm ngoái lên 300.000 tấn vào năm 2023.

Với nhu cầu mới từ Philippines và các đối tác truyền thống từ khu vực Trung Đông, Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan dự đoán tổng lượng gạo xuất khẩu của nước này trong năm 2023 sẽ là 7,5 triệu tấn, gần như không đổi so với con số 7,6 triệu tấn của năm trước.

Chủ tịch Chookiat Ophaswong của Hiệp hội các nhà xuất khẩu gạo Thái Lan cho biết cơ quan này đang theo dõi tình hình và sẽ nâng dự báo xuất khẩu năm 2023 nếu thấy sản lượng tăng hoặc xuất hiện nhu cầu tiêu thụ mới.

Năm 2022, Philippines nhập khẩu tổng cộng 3,7 triệu tấn gạo, trở thành nước nhập khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Lượng gạo mua trong năm nay có thể sẽ không thay đổi so với năm trước.

Trong tổng số gạo nhập khẩu của Philippines vào năm trước, khoảng 90% đến từ Việt Nam, nhà cung cấp gạo lớn nhất của nước này trong nhiều thập kỷ nhờ giá cả cạnh tranh và quan hệ thương mại song phương chặt chẽ. Phần nhập khẩu còn lại của Philippines đến từ Thái Lan.

Tháng 1/2023 khối lượng xuất khẩu gạo Việt Nam giảm nhưng giá trung bình xuất khẩu tăng

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2023 cả nước xuất khẩu 359.310 tấn gạo, thu về 186,6 triệu USD, giá trung bình 519,3 USD/tấn, giảm 17,3% về lượng và giảm 15,3% kim ngạch, nhưng giá tăng nhẹ 2,5% so với tháng 12/2022; so với tháng 1/2022 cũng giảm 29% về lượng, giảm 24,2% kim ngạch nhưng tăng 6,8% về giá. Khối lượng xuất khẩu giảm một phần là do tháng 1/2023 trùng vào dịp nghỉ Tết Nguyên đán.

Philippines vẫn đứng đầu về tiêu thụ gạo của Việt Nam, chiếm 36% trong tổng lượng và chiếm 34,6% trong tổng kim ngạch gạo xuất khẩu của cả nước, đạt trên 129,32 triệu tấn, tương đương 64,55 triệu

USD, giá trung bình 499,2 USD/tấn, giảm 40,2% về lượng, giảm 37,4% về kim ngạch nhưng tăng 4,7% về giá so với tháng 12/2022; cũng giảm 44,8% về lượng, giảm 41,4% về kim ngạch nhưng tăng 6% về giá so với tháng 1/2022.

Đáng chú ý, trong tháng 1/2022 Việt Nam không xuất khẩu gạo sang thị trường Indonesia, nhưng tháng 1/2023 xuất khẩu sang thị trường này chiếm trên 23,9% trong tổng khói lượng và chiếm 21,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, đạt 85.925 tấn, tương đương 40,93 triệu USD, giá trung bình 476,4 USD/tấn, tăng 69,6% về lượng và tăng 65,2% kim ngạch; giá giảm nhẹ 2,6% so với tháng 12/2022.

Thị trường Trung Quốc đứng thứ 3 đạt 47.424 tấn, tương đương 28,39 triệu USD, giá 598,6 USD/tấn, tăng 10,3% về lượng, tăng 19,1% kim ngạch và tăng 8% về giá so với tháng 12/2022, cũng tăng 28,2% về lượng, tăng 49,5% về kim ngạch và tăng 16,7% về giá so với tháng 1/2022; chiếm trên 13,2% trong tổng lượng và chiếm 15,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Xuất khẩu gạo sang các thị trường FTA RCEP đạt 282.351 triệu tấn, tương đương trên 144,73 triệu USD, giảm 18% về lượng, giảm 14,2% kim ngạch so với tháng 12/2022; giảm 10,6% về lượng, giảm 4,3% kim ngạch so với tháng 1/2022. Xuất khẩu sang các thị trường FTA CPTPP đạt 19.679 tấn, tương đương 10,86 triệu USD, giảm 43% về lượng và giảm 36,2% kim ngạch so với tháng 12/2022; giảm 56% về lượng và giảm 50,8% kim ngạch so với tháng 1/2022.

Thị trường gạo tiếp tục thuận lợi

Ông Nguyễn Phúc Nam – Phó Vụ trưởng Vụ thị trường châu Á – châu Phi dự báo, xuất khẩu gạo vẫn tiếp tục thuận lợi. Trong ngắn hạn, giá gạo vẫn ở mức tốt do những bất ổn về kinh tế, chính trị toàn cầu khiến nhu cầu dự trữ lương thực tăng lên. Đây là yếu tố giúp các doanh nghiệp gạo được hưởng lợi trong thời gian tới.

Ông Nguyễn Việt Anh - Tổng Giám đốc Công ty Lương thực Phương Đông cho biết, giá gạo dự kiến sẽ vẫn ở mức cao do nhiều quốc gia đang mua đê tăng dự trữ quốc gia; trong đó, có cả Philippines, Trung Quốc và Indonesia. Cũng theo ông Việt Anh, từ năm 2019 đến nay, khi Philippines chấm dứt điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với mặt hàng gạo giúp xuất khẩu gạo sang thị trường này luôn tăng mạnh.

Mặc dù thuận lợi về mặt thị trường, song hiện nay các doanh nghiệp ngành gạo lại đang gặp khó khăn về nguồn vốn. Do đó, doanh nghiệp kiên nghị Ngân hàng Nhà nước chỉ đạo các ngân hàng thương mại có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khơi thông nguồn vốn. Đặc biệt trong giai đoạn thu hoạch vụ Đông Xuân đang đến gần.

Với thị trường EU, ông Nguyễn Văn Nhật - Tổng Giám đốc Công ty Hoàng Minh Nhật cho biết, theo Hiệp định EVFTA, Việt Nam được cấp hạn ngạch 80.000 tấn, trong đó 30.000 tấn gạo trắng, 30.000 gạo thơm, 20.000 tấn gạo lứt. Do đó, các đơn hàng gạo xuất khẩu nếu nằm trong danh mục trên thì được miễn thuế 175 EUR/tấn. Đây là lợi thế rất lớn cho doanh nghiệp nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp nên tìm cách gia tăng sản lượng chủng loại gạo để tận dụng tối đa lợi thế.

Cửa rộng cho xuất khẩu gạo trong năm 2023

Ông Nguyễn Ngọc Nam - Chủ tịch Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) nhận định, nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường truyền thống như Philippines, Trung Quốc, châu Phi... nhìn chung trong quý I-II/2023 sẽ ổn định do các nước đang tăng cường dự trữ lương thực cũng như chuẩn bị cho thời điểm Năm mới.

Với thị trường nội địa, giá nội địa dự báo tiếp tục ổn định ở mức cao do vụ Thu Đông sẽ dứt điểm với sản lượng thấp hơn mọi năm và phải đến giữa tháng 3/2023 vùng Đồng bằng sông Cửu Long mới bước vào cao điểm thu hoạch vụ Đông Xuân 2022/23.

“Việc Bộ Công Thương tổ chức thành công chương trình xúc tiến thương mại với ngành gạo năm 2022 là tín hiệu tốt cho công tác xúc tiến thương mại gạo năm 2023”, ông Nam dự báo.

Ông Phan Văn Chinh – Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương cho biết, việc Trung Quốc mở cửa thị trường trở lại là tín hiệu tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo. “Trung Quốc mở cửa trở lại có khả năng hút hàng khi có những hợp đồng lớn”, ông Phan Văn Chinh nhận định.

Tuy nhiên, thị trường vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn liên quan đến giá cước vận tải biển cao, giá cả đầu vào sản xuất lúa gạo cao cũng như tình hình xung đột chính trị trên thế giới tác động đến giá các mặt hàng lương thực khác. Do vậy, để đảm bảo an ninh lương thực và xuất khẩu gạo, Bộ Công Thương đã và đang theo sát tình hình thị trường, đồng thời chủ động trong các hoạt động xúc tiến thương mại.

Cùng với đó, ông Phan Văn Chinh đề nghị, VFA và các doanh nghiệp xuất khẩu gạo cần theo sát tín hiệu từ các thị trường, đặc biệt là thị trường Trung Quốc. Đặc biệt, doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng gạo, đảm bảo các yêu cầu về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, truy xuất nguồn gốc để tận dụng tối đa ưu đãi từ các Hiệp định thương mại tự do.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

* Tổng quan thị trường thức ăn chăn nuôi và dự báo

Trong tháng 1/2023, giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới điều chỉnh nhẹ theo những chiều hướng khác nhau. Tại thị trường trong nước, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tháng đầu năm 2023 nhìn chung không có nhiều biến động. Dự báo trong ngắn hạn, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi sẽ tiếp tục ổn định do lực cung và cầu không có nhiều xáo trộn lớn.



Thị trường thế giới

- Diễn biến cung cầu

+ Đậu tương

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo triển vọng đậu tương toàn cầu niên vụ 2022/23 bao gồm sản xuất, xuất khẩu và tồn kho cuối kỳ cao hơn. Sản xuất tăng nhờ sản lượng cao hơn ở Ấn Độ và Ukraine. Lượng tiêu thụ toàn cầu gần như không thay đổi, dự trữ cuối kỳ tăng 0,5 triệu tấn lên 102,7 triệu tấn.

Đối với Mỹ, USDA dự báo nguồn cung và sử dụng đậu tương cho năm 2022/23 của Mỹ không thay đổi so với tháng trước. Ước tính sản lượng đậu tương của Mỹ trong năm marketing 2022/23 là 118,3 triệu tấn, gần với mức trung bình 5 năm là 118,4 triệu tấn. Dự báo giá đậu tương trung bình theo mùa của Mỹ không đổi ở mức 14 USD/giá.

Tại Brazil, nước này được dự báo sẽ có vụ thu hoạch đậu tương cao kỷ lục trong năm marketing 2022/2023 ở mức 152 triệu tấn, tăng 20% so với năm trước.

+ Bắp

Trong báo cáo tháng 12/2022, USDA giảm dự báo sản lượng ngô toàn cầu niên vụ 2022/2023 so với dự báo tháng trước do vụ mùa giảm ở Ukraine, Nga, Liên minh châu Âu và Việt Nam.

Thương mại toàn cầu được dự báo giảm do xuất khẩu giảm từ Mỹ, Nga và Liên minh châu Âu. Nhập khẩu toàn cầu cũng được dự báo giảm do việc cắt giảm đối với Canada, Iran, Hàn Quốc, Mexico và Việt Nam.

Đối với Mỹ, USDA dự báo xuất khẩu bắp của Mỹ trong vụ 2022/23 thấp hơn và tồn kho cuối kỳ nhiều hơn so với tháng trước. Xuất khẩu ước tính giảm 75 triệu bushels do cạnh tranh từ các nhà xuất khẩu khác và giá tương đối cao của Mỹ dẫn đến việc bán hàng và vận chuyển chậm. Dự trữ bắp cuối vụ ước tính tăng 75 triệu bushels.

+ Lúa mì

Theo báo cáo mới nhất của USDA, nguồn cung và dự trữ lúa mì toàn cầu vụ 2022/23 giảm trong khi thương mại tăng. Nguồn cung lúa mì được dự báo sẽ giảm 2,1 triệu tấn xuống 1.056,9 triệu tấn do sản lượng của Argentina và Canada giảm, ngược lại vụ mùa kỷ lục dự kiến từ Úc và Brazil. Sản lượng ở Argentina dự báo giảm 3 triệu tấn xuống còn 12,5 triệu tấn với sự sụt giảm ở cả diện tích thu hoạch và sản lượng trong điều kiện khô hạn tiếp tục diễn ra trên diện rộng. Đây sẽ là sản lượng thấp nhất của Argentina kể từ vụ 2015/16.

Sản lượng của Canada ước tính giảm 1,2 triệu tấn xuống còn 33,8 triệu tấn, dựa trên ước tính mới nhất của Cơ quan Thống kê Canada và là vụ mùa lớn thứ ba được ghi nhận. Sản lượng của Úc tăng 2,1 triệu tấn lên mức kỷ lục 36,6 triệu tấn.

Dự báo thương mại toàn cầu tăng 2,2 triệu tấn lên 210,9 triệu tấn nhờ xuất khẩu cao hơn của Úc, Ukraine, EU và Nga nhiều hơn bù đắp cho xuất khẩu giảm của Argentina. Dự báo xuất khẩu của Úc tăng 1,5 triệu tấn lên mức gần kỷ lục 27,5 triệu tấn. Xuất khẩu của Ukraine tăng 1,5 triệu tấn lên 12,5 triệu tấn. Xuất khẩu của Argentina giảm 2,5 triệu tấn xuống 7,5 triệu tấn do nguồn cung xuất khẩu thấp hơn, đây sẽ là mức xuất khẩu thấp nhất của Argentina kể từ vụ 2014/2015.

Dự trữ cuối kỳ toàn cầu vụ 2022/2023 dự kiến giảm 0,5 triệu tấn xuống còn 267,3 triệu tấn do mức giảm đối với Nga, Canada, Argentina và Ukraine nhiều hơn bù đắp cho mức tăng ở EU và Úc.

- Diễn biến giá

Trong tháng 1/2023, giá các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi thế giới biến động trái chiều giữa các chủng loại so với tháng trước. Cụ thể:

Giá đậu tương thế giới tăng so với tháng cuối của năm 2022 do điều kiện thời tiết không thuận lợi tại Nam Mỹ. Giá trung bình trong tháng này là 14,8 USD/bushel, tăng 1,1 USD so với tháng 1/2022. Giá đậu tương CBOT giao tháng 3/2023 là 334,7 USD/tấn, tăng 2,1 USD/tấn và giao tháng 4/2023 là 346,6 USD/tấn, tăng 3,1 USD/tấn so với cùng kỳ tháng trước.

Tương tự với giá đậu tương, giá ngô tại các thị trường xuất khẩu chính trên thế giới trong tháng 1/2023 cũng tăng so với tháng 12/2022. Giá bắp Mỹ tăng 13 USD/tấn lên 317 USD/tấn. Giá bắp Brazil tăng 14 USD/tấn lên 296 USD/tấn. Khối lượng xuất khẩu hàng tháng của Brazil cao kỷ lục trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 11/2022. Giá ngô Ukraine tăng 9 USD/tấn lên 265 USD/tấn. Giá bắp của Argentina không đổi ở mức 307 USD/tấn.

Ngược lại, giá lúa mì thế giới trong tháng 1/2023 giảm ở hầu hết các nước xuất khẩu lớn do việc mở rộng xuất khẩu từ Biển Đen sau khi Sáng kiến Ngũ cốc Biển Đen được tiếp tục thực hiện và bắt đầu thu hoạch ở Nam Bán cầu.

Cụ thể, giá lúa mì của Argentina giảm 13 USD/tấn xuống còn 397 USD/tấn, đây vẫn là mức cao nhất trong số các nhà xuất khẩu lớn do quy mô cây trồng giảm xuống mức thấp nhất kể từ vụ 2015/16. Lúa mì Úc giảm 29 USD/tấn xuống 367 USD/tấn khi nước này bắt đầu thu hoạch một vụ mùa kỷ lục. Lúa mì Mỹ có mức giảm mạnh nhất 48 USD/tấn xuống 385 USD/tấn và lúa mì Canada giảm 18 USD/tấn xuống 371 USD/tấn. Lúa mì EU giảm 10 USD/tấn xuống 332 USD/tấn do nguồn cung lúa mì Ukraine tiếp tục chuyển ra khỏi Biển Đen. Lúa mì Nga giảm 4 USD/tấn xuống 316 USD/tấn với nhu cầu vững chắc từ các thị trường nước ngoài, đây vẫn là mức giá thấp nhất trong số các nhà xuất khẩu lớn.

Thị trường trong nước

- Tình hình nhập khẩu

+ Kim ngạch nhập khẩu

Trong hai tuần đầu tháng 1/2023, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu đạt 220 triệu USD. Trước đó, theo số liệu thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu về Việt Nam trong năm 2022 đạt gần 5,6 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2021.

Riêng tháng 12/2022 tiếp tục tăng 14,9% so với tháng 11/2022 và tăng mạnh 35,8% so với tháng 12/2021, đạt 584,7 triệu USD.

+ Thị trường nhập khẩu

Nhập khẩu thức ăn gia súc và nguyên liệu nhiều nhất từ thị trường Argentina, chiếm 29,8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước, đạt gần 1,67 tỷ USD, tăng nhẹ 1% so với năm 2021; trong đó riêng tháng 12/2022 đạt 176,34 triệu USD, tăng 15,3% so với tháng 11/2022 và tăng mạnh 83% so với tháng 12/2021.

Đứng sau là thị trường Brazil chiếm tỷ trọng 18,9%, đạt trên 1,06 tỷ USD, tăng 60,8% so với năm 2021; riêng tháng 12/2022 nhập khẩu từ thị trường này đạt 49,56 triệu USD, tiếp tục giảm 42,6% so với tháng 11/2022 và giảm mạnh 60% so với tháng 12/2021.

+ Chủng loại nhập khẩu

* Bắp

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu bắp các loại trong năm 2022 đạt trên 9,57 triệu tấn, trị giá gần 3,33 tỷ USD, giá trung bình 347,8 USD/tấn, giảm 4,5% về lượng, nhưng tăng 15,6% kim ngạch và tăng 21% về giá so với năm 2021.

Achentina là thị trường chủ đạo cung cấp ngô cho Việt Nam trong năm 2022, chiếm trên 59% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, đạt 5,63 triệu tấn, tương đương gần 1,98 tỷ USD, giảm 4,8% về lượng, nhưng tăng 11,3% kim ngạch và tăng 16,9% về giá so với năm 2021.

Ngoài ra, nhập khẩu bắp từ Brazil năm 2022 đạt 1,44 triệu tấn, tương đương 476,35 triệu USD, giá 331,9 USD/tấn, chiếm 15% trong tổng lượng và chiếm 14,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu bắp của cả nước, giảm 13,3% về lượng, nhưng tăng 22,8% về kim ngạch và giá tăng mạnh 41,6% so với năm 2021.

* Lúa mì

Tính chung trong năm 2022 lượng lúa mì nhập khẩu của cả nước đạt 3,93 triệu tấn, tương đương gần 1,52 tỷ USD, giảm 12,6% về khối lượng, nhưng tăng 14% về kim ngạch so với năm 2021, giá trung bình đạt 385,3 USD/tấn, tăng 30,4%.

Năm 2022, nhập khẩu lúa mì từ thị trường Australia, chiếm gần 72% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu lúa mì của cả nước, đạt 2,8 triệu tấn, tương đương 1,08 tỷ USD, giá trung bình 387,5 USD/tấn, giảm 11% về lượng, nhưng tăng 15,3% về kim ngạch và tăng 29,7% về giá so với năm 2021.

Đứng sau là thị trường Brazil chiếm 8,2% trong tổng lượng và chiếm 7,4% trong tổng kim ngạch, đạt 322.760 tấn, tương đương 112,55 triệu USD, giá trung bình 348,7 USD/tấn, tăng mạnh cả về lượng, kim ngạch giá so với năm 2021, với mức tăng tương ứng 40,6%, 104,6% và 45,5%.

* Đậu tương

Năm 2022 cả nước nhập khẩu 1,84 triệu tấn đậu tương, trị giá gần 1,28 tỷ USD, giá trung bình 693,6 USD/tấn, giảm 9% về lượng nhưng tăng 7,9% kim ngạch và tăng 18,5% về giá so với năm 2021.

Năm 2022 nhập khẩu đậu tương từ Achentina đạt 1,06 triệu tấn, tương đương 739,05 triệu USD, chiếm gần 58% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu đậu tương của cả nước.

Nhập khẩu đậu tương từ thị trường Mỹ đạt 594.791 tấn, tương đương 408,13 triệu USD, giá 686,2 USD/tấn, chiếm 32% trong tổng lượng và tổng kim ngạch nhập khẩu đậu tương của cả nước, giảm mạnh 30,8% về lượng, giảm 17% về kim ngạch nhưng giá tăng 20% so với năm trước.

- Diễn biến giá

Trong tháng 1/2023, giá các chủng loại nguyên liệu thức ăn chăn nuôi không có nhiều biến động so với tháng trước. Cụ thể như sau:

Giá khô dầu đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 16.300 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 16.550 đ/kg, tăng hơn 40% so với cùng kỳ năm ngoái; Giá ngô Nam Mỹ đạt mức 10.400 đ/kg.

Giá sắn tươi và sắn lát khá ổn định trong hai tuần đầu tháng nhưng giảm nhẹ trong những ngày cuối tháng do tiêu thụ chậm, một số nhà máy tinh bột sắn tại miền Trung, Tây Nguyên giảm 50 - 100 đ/kg giá mua sắn tươi nhưng nhìn chung giá tại các vùng miền trên cả nước không có biến động lớn. Giá sắn dao động từ 1.200 - 1.600 đ/kg tùy khu vực.

Mặt hàng cám gạo (cám khô, xơ dưới 7%, không trộn) trong tháng 12/2022 không có nhiều biến động. Nguồn cung cám gạo cũng khá hạn chế khi nhiều nhà máy xay xát đang ngưng hoạt động hoặc yếu, thị trường giao dịch ảm đạm. Giá cám gạo tại Đồng Tháp là 7.100 – 7.550 đ/kg; tại Kiên Giang là 7.500 đ/kg; tại Cần Thơ là 7.900 – 8.050 đ/kg; tại Bình Phước là 8.000 đ/kg; tại Hà Nội là 9.000 đ/kg.

Giá khô dầu đậu tương Nam Mỹ tại Vũng Tàu (hàng xá) là 16.600 đ/kg; tại Cái Lân (Quảng Ninh) là 16.650 đ/kg.

Trong tháng đầu năm 2023, giá thức ăn chăn nuôi thành phẩm trong nước khá ổn định so với tháng trước. Trong đó, thức ăn đậm đặc dành cho lợn con, có giá từ 15.600 – 16.350 đ/kg; Thức ăn đậm đặc Proconco loại cho gà thịt là 15.900 đ/kg; cám cho gà con là 12.450 – 14.750 đ/kg; cám cho gà thịt từ 11.050 – 14.100 đ/kg; cám cho gà đẻ là 12.100 - 13.800 đ/kg; thức ăn hỗn hợp Proconco loại cho lợn từ 30 kg đến xuất chuồng là 12.350 – 14.650 đ/kg; cám cho lợn nhỡ từ 15 kg - 30 kg có giá 12.400 – 14.700 đ/kg; cám cho lợn từ 30 kg - xuất chuồng là 12.500 – 14.550 đ/kg.

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

* Việt Nam đẩy mạnh xúc tiến thương mại nông sản và thực phẩm với Ấn Độ

Ấn Độ và Việt Nam hiện đều là các nước sản xuất và xuất khẩu hàng đầu đối với mặt hàng nông sản và thực phẩm chế biến, đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và đáp ứng cho nhu cầu của thế giới. Hai nước đều có những thế mạnh riêng trong sản xuất hàng nông sản có thể bổ sung và đáp ứng nhu cầu thị trường của nhau. Đồng thời, hai nước có thể hợp tác để tăng giá trị gia tăng và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng nông sản và thực phẩm chế biến toàn cầu.

Theo ông Nguyễn Thanh Hải - Đại sứ Việt Nam tại Ấn Độ - trong khi xuất khẩu nông sản của Ấn Độ tăng trưởng 19,92% trong năm tài chính 2022 đạt 50,21 tỷ USD thì xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam năm 2022 đạt khoảng 53,22 tỷ USD (tăng 9,3% so với năm 2021).

Với dân số hơn 1,4 tỷ người, Ấn Độ là thị trường lớn, đầy tiềm năng tiêu thụ đa dạng các sản phẩm nông sản, thực phẩm chế biến của Việt Nam như trái cây, cà phê, chè, hạt tiêu, hạt điều, quế, hồi, thảo quả, cao su, bánh kẹo, cá tra, cá basa, các sản phẩm từ ngũ cốc... Bên cạnh đó, một số mặt hàng nông sản và thực phẩm chế biến của Ấn Độ có khả năng phát triển tại thị trường Việt Nam như thủy sản, gạo tấm, ớt và một số loại gia vị, rau quả.

Trong khi đó, ông Lê Thanh Hòa - Phó Cục trưởng, Cục chế biến và phát triển thị trường nông sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhận định hai quốc gia có những nét tương đồng trong sản xuất nông sản. Mặc dù có thể nhìn thấy tiềm năng rất lớn trong lĩnh vực này tuy nhiên trên thực tế sản lượng và kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng này giữa Việt Nam và Ấn Độ vẫn còn hết sức khiêm tốn. Năm 2021, xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam sang Ấn Độ đạt trị giá 481 triệu USD, chiếm hơn 1% tổng giá trị nhập khẩu của Ấn Độ.

Về phía doanh nghiệp, ông Đặng Phúc Nguyên, Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam - Vinafruit, khẳng định sản xuất rau quả Việt Nam đang ngày càng phát triển, các sản phẩm nông sản phát triển theo xu hướng đáp ứng các tiêu chuẩn tiêu trống như VietGAP, GlobalGAP. Các loại quả mà Việt Nam có ưu thế trong sản xuất là thanh long, nhãn, xoài, bưởi, chôm chôm, măng cụt, sầu riêng, vú sữa, vải thiều,... Các loại quả này đã được Việt Nam xuất khẩu dưới dạng quả tươi, đông lạnh hoặc sản phẩm chế biến.

Cũng theo ông Nguyên, một trong những hạn chế lớn nhất khiến hoạt động xuất nhập khẩu trái cây giữa hai nước còn hạn chế là bởi mức thuế suất cao, có những mặt hàng xuất khẩu sang Ấn Độ chịu mức thuế lên tới 70% vì chưa được thị trường Ấn Độ mở cửa. Hiện tại mới chỉ có duy nhất trái thanh long Việt Nam xuất khẩu được sang Ấn Độ với thuế suất 0%. Việt Nam nhập siêu hoa quả từ Ấn Độ với các các mặt hàng chính như hạt mắc ca, quả chà là, táo, lê,... Ông Nguyên cũng đưa ra đề nghị hai quốc gia mở cửa thị trường rau quả và kí kết các hiệp định thương mại song phương để tạo điều kiện cho hoạt động xuất nhập khẩu nông sản giữa hai nước.

Ghi nhận tiềm năng xúc tiến thương mại nông sản giữa hai quốc gia, ông Prashant Seth, Phó Giám đốc, Liên đoàn các tổ chức xuất khẩu Ấn Độ (FIEO) cho biết thêm các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm chế biến đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Ấn Độ. Không chỉ đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, Ấn Độ hiện nay đang mở rộng sản xuất các sản phẩm nông sản và thực phẩm chế biến để định hướng xuất khẩu.

Đặc biệt Ấn Độ định hướng phát triển các sản phẩm nông sản hữu cơ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn sản xuất quốc tế và an toàn cho người tiêu dùng. Ông Prashant Seth cũng thông tin đến Hội nghị về việc đoàn doanh nghiệp Ấn Độ gồm 29 doanh nghiệp và 39 thành viên trong lĩnh vực nông sản và thực phẩm do FIEO tổ chức sẽ đến Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 28/2 đến 3/3/2023 để giao thương với Việt Nam.

Về phía doanh nghiệp Ấn Độ, theo bà Kashika Malhotra, đến từ Invest India, Ấn Độ là quốc gia sản xuất hàng đầu thế giới với các sản phẩm như sữa, hạt đậu, kê; đồng thời là nhà sản xuất lớn thứ hai thế giới với các mặt hàng cá, gạo, bột mì, rau quả,... Thị trường chế biến thực phẩm Ấn Độ trị giá 535 tỷ USD vào năm 2025 với tốc độ tăng trưởng kép đạt 15,2%, xuất khẩu sản phẩm nông sản của Ấn Độ đạt 46,1 tỷ USD năm 2021-2022.

* Dáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thị trường: Chia khóa để xuất khẩu nông sản Việt Nam vươn xa

Theo các nhà chuyên môn, muốn vươn xa trên thương trường quốc tế, các địa phương, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản cần nỗ lực nhiều để đáp ứng được những yêu cầu kỹ thuật khắt khe của thị trường.

Đơn cử như, chuẩn hóa sản xuất, sản xuất xanh để đáp ứng yêu cầu từ Mỹ và EU là đòi hỏi tất yếu nếu doanh nghiệp muốn đi đường dài. Hay các địa phương chú trọng thiết lập mã số vùng trồng để tăng sản lượng và quản lý chất lượng nhóm hàng rau quả xuất sang Trung Quốc.

Dánh giá về tiềm năng xuất khẩu nông sản của Việt Nam, Phó Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) Trần Thanh Hải nhận định, nông sản Việt có nhiều triển vọng tăng trưởng xuất khẩu, nhất là cà phê, hồ tiêu, sầu riêng, thủy sản... thu về giá trị cao tại các thị trường khó tính.

Song các doanh nghiệp cần phải thay đổi tư duy, tập trung sản xuất phù hợp với những quy định và luật lệ quốc tế. Đặc biệt, doanh nghiệp cần nắm bắt những thay đổi trong quy định kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu của các nước, nắm bắt nhu cầu, xu hướng tiêu dùng thế giới để xây dựng kế hoạch hành động, đầu tư, ứng dụng công nghệ trong sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm. Đây là những giải pháp bắt buộc để doanh nghiệp Việt đáp ứng yêu cầu của đối tác cũng như xây dựng uy tín, thương hiệu của mình.

Phân tích về cơ hội và thị trường xuất khẩu, PGS.TS Phạm Tất Thắng - Chuyên gia cao cấp Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách công thương (Bộ Công Thương) cho rằng, hiện nay quan hệ thương mại giữa Việt Nam và châu Âu rất thuận lợi, các hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết cũng tạo ra nhiều ưu đãi về thuế, cơ chế cho doanh nghiệp. Đây là động lực để doanh nghiệp Việt đẩy mạnh xuất khẩu, đưa các sản phẩm nông sản hiện diện tại thị trường giá trị cao này.

Cũng theo ông Thắng, tư duy sản xuất cũng như năng lực của doanh nghiệp Việt đã thay đổi đáng kể, trong đó có nhiều doanh nghiệp đã chú trọng đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm mẫu mã, quy cách phù hợp với tiêu chuẩn của thị trường. Điều này sẽ hỗ trợ rất lớn, giúp hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp tiếp tục có sự bứt phá trong năm 2023.

Về phía quản lý, các cơ quan chuyên trách đang dồn mọi nỗ lực để hỗ trợ xúc tiến cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Bộ Công Thương đã khẳng định luôn hỗ trợ cho doanh nghiệp sẵn sàng xuất khẩu.

Trong tháng đầu năm 2023, xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam đều phát ra tín hiệu tích cực.

Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam, trong tháng 1/2023, xuất khẩu trái cây đã tăng trưởng mạnh mẽ với ước mức tăng tới 25% so với cùng kỳ năm 2022. Nguyên nhân khiến trái cây trở thành mặt hàng được xuất khẩu mạnh trong tháng đầu năm là do Trung Quốc mở cửa khẩu, cùng với những nghị định thư được ký kết từ cuối năm 2022 đã tạo đà cho xuất khẩu năm 2023.

Đối với mặt hàng gạo, do gạo Việt đã khẳng định được thương hiệu ở các thị trường khó tính nên ngay những ngày đầu năm 2023, DN xuất khẩu gạo đã đón nhận nhiều đơn hàng trị giá hàng triệu USD.

Những tín hiệu lạc quan của hoạt động xuất khẩu ngay từ đầu năm hứa hẹn nhiều cơ hội mới cho nông sản Việt, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu cho ngành nông nghiệp nói riêng và hàng hóa Việt Nam nói chung. Trên đà này, doanh nghiệp sẽ nắm bắt và tận dụng cơ hội, phát huy lợi thế từ các FTA để đẩy mạnh xuất khẩu, tìm kiếm cơ hội bứt phá mới cho cả năm 2023.



THÔNG TIN GIAO THƯƠNG

* Nhận cung cấp giống mít Thái Changai

Nhà vườn tại Hà Nội nhận cung cấp cây giống mít Thái siêu sờm Changai với số lượng lớn và giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Giống mít thái siêu sờm changai hơn một năm đã cho quả

Trọng lượng trái có thể đạt tới 15 kg

Trái cho vị ngọt thơm, múi dày có màu vàng rộm

Giá cây giống: 40k/cây

+ *Thông tin liên hệ:*

Nhà vườn Văn Tú

Địa chỉ: Đại Tự - Kim Chung - Hoài Đức - Hà Nội

ĐT: 0902250970- 0936338906

* Mua tôm càng xanh xuất khẩu

Doanh nghiệp kinh doanh hàng thủy sản tại địa bàn phía nam đang có nhu cầu mua tôm càng xanh xuất khẩu với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Tôm càng xanh cấp đông NW 90%. Đóng thùng tạm.

Size theo kg 3/4 5/6 7/8 9/10 11/12 12/15 15/17 17/20

Đối tác có size nào thì báo giá cho doanh nghiệp và tỉ lệ % trong đơn hàng.

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Tri Mai

Địa chỉ: TP. HCM

ĐT: 0124 910 2345

* Thu mua măng cầu xiêm, măng cầu gai

Công ty TNHH Nam Vạn Long có địa chỉ tại Bình Dương cần tìm đối tác cung cấp măng cầu xiêm, măng cầu gai số lượng lớn.

Các cá nhân, tổ chức có khả năng cung cấp, liên hệ với doanh nghiệp theo thông tin dưới đây:

Công ty TNHH Nam Vạn Long

Đường Vĩnh Phú 2, Vĩnh Phú, Thuận An, Bình Dương

ĐT: 0903047955 hoặc 0903944669.

Email: purchasing03@namvanlong.com

* Thu mua củ cải sấy khô xuất khẩu

Doanh nghiệp thương mại hàng nông sản tại địa bàn miền bắc cần mua củ cải trắng khô xuất sang Hàn Quốc.

+ *Yêu cầu:*

- Hình thức: sợi rối, không gọt vỏ, đã cắt bỏ gốc trước khi bào

- Độ ẩm: 12% max

- Đóng gói: bao PE 10kg (cho vào thùng carton)

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Tùng

Địa chỉ: số15 Lý Nam Đé - Hà Nội

ĐT: 0975450789

Email: huu.tung26@gmail.com

* Cung cấp bột cá làm phân bón hữu cơ số lượng lớn

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp tại TP.HCM nhận cung cấp bột cá làm phân bón hữu cơ số lượng lớn.

Cung cấp toàn quốc, số lượng từ 5 tấn đến 10 tấn.

+ Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Hàng

Địa chỉ: TP.HCM

ĐT: 0937392133

Email: hangtran078@gmail.com

* Nhận cung cấp cá khô số lượng lớn

Cơ sở kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Quảng Ngãi nhận cung cấp cá khô số lượng lớn.

+ Thông tin sản phẩm:

Cá biển khô dùng trong phối trộn thức ăn hỗ trợ chăn nuôi.

Bổ sung đạm cá, canxi cho vật nuôi, giúp tăng thể trọng tự nhiên an toàn

Tăng sức đề kháng, kích thích dạ dày giúp tiêu thụ thức ăn nhiều hơn

Cá đã thành phẩm, chỉ cần trộn nguyên liệu lúa, mì, ngô,... xay thành bột hoặc ép thành viên

Phù hợp tất cả các loài vật nuôi

Thời gian bảo quản lâu dài, không ẩm mốc, hư hỏng...

+ Thông tin khác:

Qui cách đóng hàng: 1 bao từ 20-30kg...

Hàng có liên tục quanh năm

Giá xuất tận xưởng, không qua trung gian

+ Thông tin liên hệ:

Người liên hệ: Anh Vũ

Zalo: 0787728066

* Nhận cung cấp nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi số lượng lớn

Công ty TNHH SX&TM Nguyên liệu Công Nghiệp Miền Nam (Simico) nhận cung cấp nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi số lượng lớn với giá cả ưu đãi.

+ Thông tin sản phẩm:

Các loại nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi như DDGS, CGF, Bắp hạt, Bã nành, Xác mầm,...

DDGS (Bã bắp lên men)

Tiêu chuẩn DDGS:

- Đạm thô 26% min

- Fat 7,5% min

- Xơ 10% min

- Tro 7% max

- Độ ẩm 12,5% max

- Aflatoxin 20ppb max

- Hàng không lẩn mốc, sâu bọ, côn trùng sống.

- Đóng gói: hàng xá trong cont.

- Xuất xứ: Canada, Mỹ,...

CORN GLUTEN FEED: Sản phẩm có dạng bột màu vàng đặc trưng của bắp

Hàm lượng:

- Đạm 18% max

- Ẩm 12% max

- Xơ 13% max

- Aflatoxin 50ppb max
- Không mốc, không mọt sống
- Đóng bao 40kg hoặc hàng xá trong cont
- Xuất xứ: Trung Quốc

XÁC MÃM:

Hàm lượng:

- Đạm: 24,1%
- Độ ẩm: 13%
- Muối: 32,5%
- Dạng xay qua sàng 2 ly và Dạng xay khô
- Xuất xứ: Việt Nam

BẮP HẠT: Sản phẩm dạng hạt được phơi hoặc sấy có màu đặc trưng

Hàm lượng:

- Đạm: 9%
- Độ ẩm: 14% max
- Phụ gia: 2,5% max
- Tâm: 2,5% max
- Hạt vỡ: 4% max
- Aflatoxin 20 ppb
- Quy cách: hàng xá
- Xuất xứ: Mỹ, Argentina, Nga, Việt Nam,...

+ Thông tin liên hệ:

Công ty TNHH SX&TM Nguyên liệu Công Nghiệp Miền Nam (Simico)

Trụ sở: số 158 Nguyễn Văn Thủ, P.Đakao, Quận 1, TP. HCM

Hotline/Zalo : 0942429908 (Ms.Quyên)

Email: sale06@simico-vn.com

Website: www.Simico-vn.com

* Bán sỉ bột cá biển đạm 65% dùng làm thức ăn gia súc

Doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản tại địa bàn phía nam cần bán sỉ bột cá biển đạm 65% dùng làm thức ăn gia súc với số lượng lớn với giá cả ưu đãi.

+ Thông tin sản phẩm:

Bột cá làm thức ăn gia súc hàm lượng protein cao đảm bảo chất lượng ổn định.

Các chỉ tiêu chất lượng như sau:

- + Đạm : 65%
- + Tro: 20%
- + Cát sạn:2%
- + Độ ẩm: 10%
- + TVN: 120 mg/100gr

Các mặt hàng doanh nghiệp đang cung cấp:

- + Bột cá biển 63% protein
- + Bột tôm 35% protein
- + Bột ghẹ 18% protein

Số lượng mua tối thiểu: 20 tấn

+ Thông tin liên hệ:

Công ty TNHH Dương Tín Dương

Địa chỉ: số 108 Hồng Hà, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM

Người liên hệ: Ms. Diễm Thúy

ĐT: 0938561676 (Zalo)

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

* Nông dân được khuyến nghị không ồ ạt trồng sầu riêng

Hiện nay, nhiều nông dân tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đang có xu hướng bò lúa, mít để trồng sầu riêng sau khi có tin loại trái cây này được xuất khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc.

Trước thực trạng trên, các cơ quan quản lý cho hay việc tăng diện tích ồ ạt, thiếu kiểm soát, theo phong trào đổi với sầu riêng sẽ dẫn đến hậu quả khó lường, khiến cung vượt cầu. Hơn nữa, theo kinh nghiệm từ các nhà vườn lớn, sầu riêng là loại cây trồng có yêu cầu kỹ thuật cao, vốn đầu tư lớn.

Việc sầu riêng được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc đã kích thích giá trái cây này gia tăng mạnh trong thời gian vừa qua. Chỉ trong hai tháng đầu năm 2023, sầu riêng liên tục rơi vào trạng thái sốt giá, có lúc lên đến 190.000 đồng/kg. Bị kích thích bởi lợi nhuận cao, nông dân tại nhiều địa phương ĐBSCL đua nhau mở rộng diện tích canh tác trái sầu riêng.

Đơn cử như tại Tiền Giang chỉ trong vài tháng, diện tích sầu riêng đã tăng từ gần 4.000ha lên trên 20.000ha. Tương tự, tại Long An, người dân cũng đang ồ ạt chuyển diện tích từ lúa, mít sang trồng sầu riêng.

Tại Đồng Tháp, nhiều nông dân trước đây chủ yếu sống nhờ cây lúa, nhưng gần đây, rất nhiều hộ đã chuyển sang cây trồng khác, nhất là cây sầu riêng, với hy vọng trái cây này mang lại lợi nhuận hơn hàng chục lần so với trồng lúa.

Số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy, chỉ trong 10 năm, diện tích sầu riêng đã tăng đáng kể. Tính đến nay, cả nước có khoảng 90.000ha sầu riêng đang cho thu hoạch với sản lượng 1,3 triệu tấn quả mỗi năm.

Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), việc tăng diện tích một cách ồ ạt, thiếu kiểm soát, không theo định hướng, khuyến cáo của các cơ quan quản lý sẽ dẫn đến hậu quả khó lường, cung vượt quá cầu, dư thừa và nghiêm trọng hơn là tại các vùng không phù hợp như vùng nhiễm mặn, nhiễm phèn, vùng không chịu động đực tưới, tiêu sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng về năng suất và chất lượng sầu riêng của Việt Nam.

Trước đó, Bộ NN&PTNT cũng đã có Chỉ thị nêu lên thực trạng sản xuất, xuất khẩu sầu riêng, chanh leo nước ta đang đứng trước rủi ro và thách thức khi nhiều địa phương mở rộng trồng mới ở những vùng không có lợi thế; tự phát chặt phá các loại cây trồng khác để chuyển sang trồng mới sầu riêng; thực hiện chuyển đổi vườn cà phê trồng xen sầu riêng, hồ tiêu có hiệu quả ở Tây Nguyên sang trồng thuần cây sầu riêng...

Thực tế, kể từ khi một số loại quả của Việt Nam được xuất khẩu chính ngạch sang Trung Quốc, giá bán tăng lên, dẫn đến một số nơi có hiện tượng đồ xô chặt hạ những cây trồng khác để chuyển sang trồng các cây có giá trị mới. Trong khi đó, việc tự phát tăng diện tích trồng các loại cây mà không theo sự khuyến cáo, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn sẽ gây rất nhiều hậu quả và hệ lụy liên quan.

Theo các chuyên gia nếu không kịp thời có các giải pháp thì sầu riêng sẽ đi vào vết "xe đổ" của hồ tiêu, cam. Bắt đầu từ mức giá 100.000 đồng/kg vào năm 2010, sau đó giá hồ tiêu đạt đỉnh ở mức 230.000 đồng/kg vào năm 2015, nhiều gia đình chỉ qua vài vụ tiêu đã trở thành tỷ phú. Hệ quả là nhiều người đã bất chấp khuyến cáo của ngành chức năng, dồn hết vốn liếng, vay ngân hàng để trồng tiêu.

Nguồn cung dư thừa, hồ tiêu rớt giá, nông dân rơi vào tình cảnh điêu đứng vì nợ nần. Tương tự, cam vốn được xem là cây chủ lực tạo nên những ngôi làng tỷ phú ở vùng quê Hòa Bình, Hà Giang... thì đến nay cây cam luôn trong tình cảnh được mùa rớt giá.

Theo Đề án phát triển bền vững cây ăn quả chủ lực đến năm 2030 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, diện tích sầu riêng cả nước là 65.000 - 75.000ha. Tuy nhiên con số này hiện đã lên hơn 80.000ha và vẫn đang tiếp tục tăng lên. Nếu không sớm có giải pháp, thì sầu riêng sẽ là cây tiếp theo chịu hệ lụy của tình trạng trồng - chặt, bời hiện mới chỉ có 20% sản lượng xuất sang thị trường Trung Quốc.

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

* Ăn nhiều thịt xông khói làm tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2

Nghiên cứu mới đây từ Viện nghiên cứu sức khỏe và y tế Pháp (Inserm) cho thấy, việc ăn nhiều thịt xông khói sẽ làm tăng nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường type 2 bởi sản phẩm này vốn chứa hàm lượng nitrit.

Trong nghiên cứu này, những người tiêu thụ tổng nitrit cao nhất có nguy cơ mắc bệnh đái tháo đường type 2 cao hơn 27% so với những người có mức tiêu thụ thấp nhất. Báo cáo của Inserm nêu rõ, nguy cơ tiểu đường type 2 tăng 53% đối với những người tiêu thụ nitrit đến từ chất phụ gia và 26% đối với người hấp thụ nitrit từ các nguồn khác. Thống kê của Cơ quan An toàn vệ sinh thực phẩm Pháp (ANSES) cũng cho biết, hiện có trên 15.000 loại thịt nguội đóng gói có chứa nitrit.



Nitrat và nitrit là những hợp chất tự nhiên có trong cơ thể con người và một số loại rau quả. Trong chế biến thực phẩm, các nhà sản xuất cũng thường đưa nitrit vào các sản phẩm thịt xông khói để tạo màu và bảo quản thịt lâu hơn. Đó là lý do tại sao thịt ướp muối có màu hồng hoặc đỏ. Trong thịt, nitrit biến thành oxit nitric. Chất này phản ứng với các protein trong thịt, từ đó làm thay đổi màu sắc và giúp bảo quản thịt. Còn nếu không có nitrit hay các phụ gia khác, thịt sẽ nhanh chóng chuyển sang màu nâu. Nitrat có công thức hóa học là NO₃ và nitrit có công thức hóa học là NO₂. Nitrat tương đối trơ, điều đó có nghĩa là chúng ổn định, không có khả năng thay đổi và gây hại. Tuy nhiên, vi khuẩn trong miệng hoặc các enzyme trong cơ thể có thể chuyển đổi nitrat thành nitrit và đây là chất có thể gây hại. Còn nitrit có thể biến thành oxit nitric - có lợi cho cơ thể hoặc nitrosamine - có thể gây hại cho sức khỏe con người.

Nghiên cứu của Inserm công bố cho thấy có mối liên hệ giữa việc tiêu thụ nitrit và tăng nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2. Cụ thể, nhóm nghiên cứu của Inserm nhận thấy rằng những người tiêu thụ nhiều nitrit từ các chất phụ gia thực phẩm có nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2 cao hơn cả. Trong nghiên cứu này, những người tiêu thụ tổng nitrit cao nhất có mức tăng nguy cơ thực sự là 27% so với những người có mức tiêu thụ thấp nhất.

Báo cáo của Inserm nêu rõ nguy cơ tiểu đường type 2 tăng 53% đối với những người tiêu thụ nitrit đến từ chất phụ gia và 26% đối với người hấp thụ nitrit từ các nguồn khác. Tác giả chính của nghiên cứu này cũng nhấn mạnh rằng tác động của nitrit không phụ thuộc nguồn gốc.

Cũng theo kết quả nghiên cứu, các nhà khoa học cho biết không tìm thấy mối liên hệ nào giữa việc tiêu thụ nitrat và nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2. Tuy nhiên, các chuyên gia dinh dưỡng vẫn luôn khuyến cáo là nên ăn nhiều trái cây và rau quả hơn để giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2 và các bệnh mãn tính khác. Đây cũng là lời khuyên của Chương trình Quốc gia Pháp về dinh dưỡng và sức khỏe. Đặc biệt, cần giảm nhu cầu tiêu thụ thịt nguội ở mức 150 gam mỗi tuần để hạn chế mức tiêu thụ nitrit, vốn có thể làm tăng hoặc liên quan đến việc làm tăng một số bệnh mãn tính.

Ngoài nguy cơ mắc bệnh tiểu đường type 2, lạm dụng nhiều thịt xông khói còn làm tăng nguy cơ bệnh ung thư đại trực tràng, dạ dày, tuyến tụy và tuyến tiền liệt. Đây cũng chính là lý do mà thịt xông khói thuộc nhóm thịt chế biến được Hiệp hội Nghiên cứu Ung thư Quốc tế liệt vào danh sách những món ăn gây ung thư cao hàng đầu.

Một chương trình nghiên cứu ở Anh trên 475.000 người trong 7 năm, mỗi ngày dùng thêm 20 gram thịt chế biến sẵn, tương đương với hai lát thịt xông khói gia tăng 18% nguy cơ ung thư đại trực tràng. Do đó, chỉ ăn vài lát thịt xông khói mỗi ngày có thể gây hại cho sức khỏe về lâu dài.

Do đó, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) khuyến nghị mỗi người chỉ nên ăn dưới 2.000mg natri một ngày. Sử dụng càng nhiều thịt xông khói đồng nghĩa với việc hấp thu lượng natri càng lớn, không chỉ làm tăng huyết áp mà còn có dẫn đến nguy cơ ung thư cao hơn, nhất là ung thư dạ dày và phổi.

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	12.000	15.000
1	Cá điêu hông	55.000	55.000	10	Khoai cao	40.000	42.000
2	Cá lóc nuôi	60.000	55.000 - 60.000	11	Nấm rơm	75.000	75.000 - 80.000
3	Cá kèo nuôi	180.000	180.000	12	Bắp cải trắng	10.000	10.000
4	Cá rô phi	45.000	45.000	13	Đậu que	18.000	18.000
5	Cá trê nuôi	35.000	35.000	14	Đậu đũa	12.000	15.000
6	Cá tra (cá hú)	65.000	60.000	15	Cà tím	16.000	15.000
7	Cá tra thịt trắng	50.000	45.000	16	Bí đao	20.000	14.000
8	Lươn loại 1	185.000	180.000	17	Bí rợ (bí đò)	14.000	12.000
9	Éch nuôi	60.000	60.000	18	Ớt	35.000	35.000
10	Tôm càng xanh	245.000	240.000	19	Gừng	14.000	14.000
11	Mực ống loại lớn	190.000	190.000	20	Đậu bắp	16.000	16.000
12	Thịt heo đùi	110.000	110.000	21	Khô qua	16.000	20.000
13	Thịt heo nạc	115.000	115.000	22	Bầu	15.000	10.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	22.000	22.000
15	Thịt bò đùi	240.000	240.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	245.000	250.000	1	Quýt đường	50.000	55.000
17	Vịt làm săn (nguyên con)	85.000 - 90.000	85.000 - 90.000	2	Bưởi nǎm roi	50.000	50.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	130.000	125.000 - 130.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	35.000	55.000
19	Trứng gà ta	3.400	3.600	4	Xoài cát chu	25.000	30.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.300	3.200	5	Táo Mỹ	75.000	90.000
21	Trứng vịt	3.000	3.200	6	Táo xanh	90.000	110.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	15.000	15.000
1	Cải xanh	14.000	15.000	8	Sapo	40.000	40.000
2	Cải ngọt	12.000	14.000	9	Cam mật	13.000	10.000
3	Cải thia	10.000	12.000	10	Cam sành	10.000	10.000
4	Rau muống	20.000	16.000	11	Thanh Long	30.000	35.000
5	Rau mồng tơi	14.000	16.000	12	Chôm chôm nhãn	35.000	35.000
6	Cải xà lách	10.000	12.000	13	Măng câu xiêm	40.000	40.000
7	Hành lá	34.000	26.000	14	Măng câu ta	45.000	55.000
8	Củ kiệu	30.000	32.000	15	Ôi	15.000	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cần tátu	30.000	30.000
1	Cải ngọt	25.000	25.000	32	Kiệu	35.000	30.000
2	Cải xanh	26.000	26.000	33	Bầu	20.000	15.000
3	Củ cải trắng	20.000	20.000	34	Mướp	20.000	16.000
4	Rau muống	20.000	20.000	II	Trái cây		
5	Cải xoong	50.000	50.000	1	Cam sành	10.000	10.000
6	Rau dền	20.000	20.000	2	Cam mật	15.000	10.000
7	Mồng tơi	17.000	17.000	3	Quýt đường	50.000	60.000
8	Bông bí	30.000	30.000	4	Bưởi nǎm roi	50.000	50.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	55.000	55.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	30.000	30.000
11	Bắp non	40.000	40.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	55.000	75.000
12	Cà rốt	24.000	24.000	8	Xoài Đài Loan	15.000	22.000
13	Khoai tây	25.000	25.000	9	Chôm chôm nhãn	35.000	40.000
14	Cù dền	23.000	23.000	10	Chôm chôm Java	18.000	20.000
15	Cải thảo	25.000	25.000	11	Măng cầu xiêm	30.000	42.000
16	Dứa leo	20.000	20.000	12	Măng cầu ta	50.000	65.000
17	Cà tím	20.000	20.000	13	Dứa hấu	15.000	15.000
18	Bí đao	20.000	20.000	14	Thanh Long	30.000	35.000
19	Bí rợ	25.000	25.000	15	Sapo	35.000	40.000
20	Đậu bắp	20.000	20.000	16	Ói	15.000	15.000
21	Khô qua	25.000	25.000	17	Táo xanh	80.000	110.000
22	Cà chua	25.000	25.000	18	Táo Mỹ	75.000	90.000
23	Hành lá	35.000	35.000	19	Táo Trung Quốc	50.000	60.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ (đen)	180.000	180.000
25	Khoai cao	30.000	30.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	17.000	17.000	1	Gạo thơm Jasmine	17.000	17.000
27	Đậu que	20.000	20.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.500
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	18.500	18.500
30	Ớt	65.000	65.000	5	Gạo trắng thường	14.500	14.500

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

TÔM THẺ TÂM BỘT DỪA ĐÔNG LẠNH (OCOP TIỀM NĂNG 5 SAO – NĂM 2022)
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN CỬU LONG



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VŨ HỒNG DƯƠNG - Phó Trưởng ban

PHẠM PHƯỚC TRÃI - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/02/2023. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2023.